



SAVICO

Vượt qua thách thức

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



SAVICO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

66B-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 3821 3913

Fax : (84-8) 3821 3553 - (84-8) 3821 5992

Email : savico@savico.com.vn

www.savico.com.vn

**Vượt qua
thách thức**



Mục lục

Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	4
Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát	6
Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty	11
Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO	14
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	24
Hệ thống Quản trị và Nguồn nhân lực	32
Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty	37
Báo cáo tài chính năm 2010	46
Hệ thống các Chi nhánh, Công ty con, Liên doanh Liên kết...	92



Tầm Nhìn

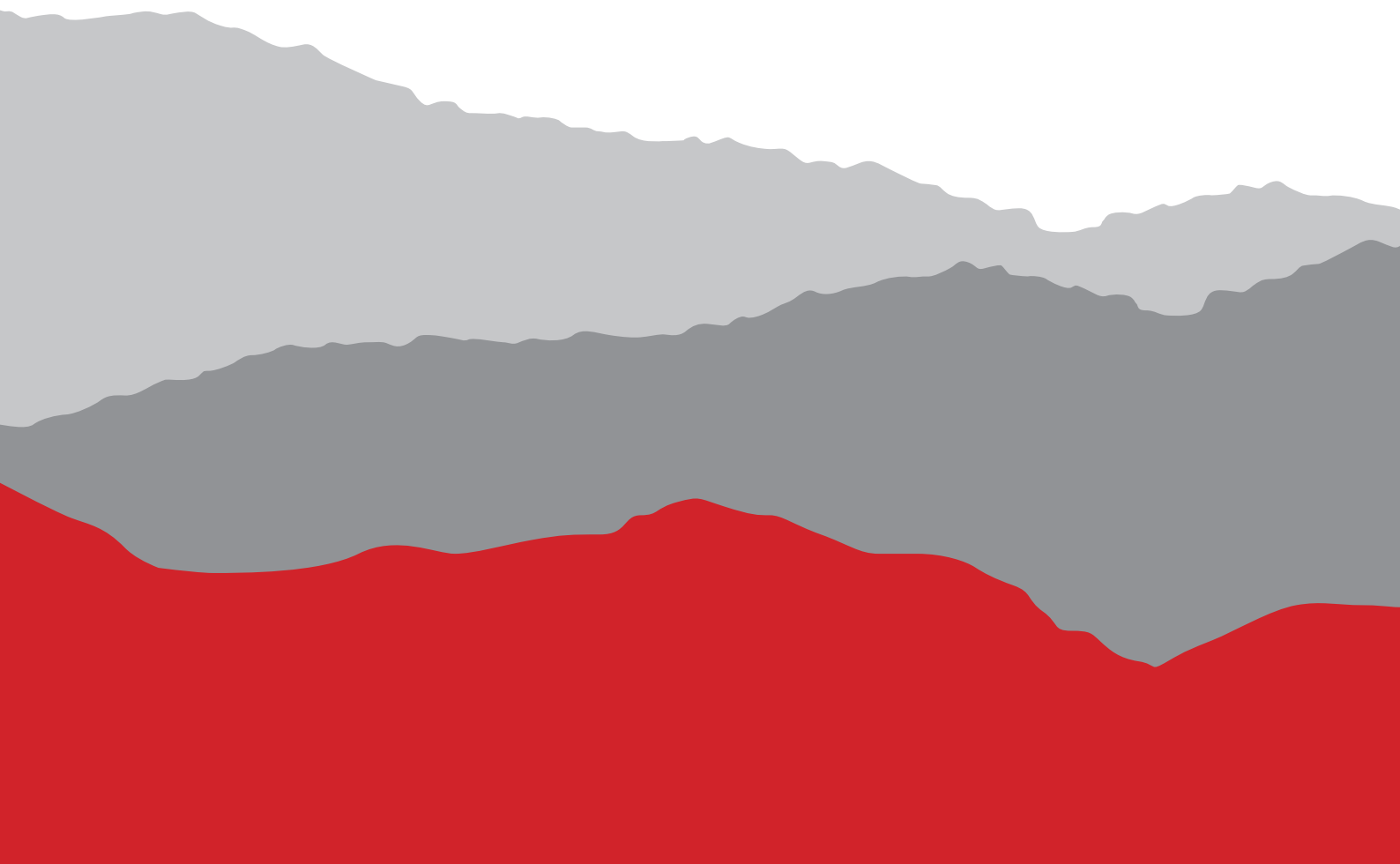
Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.

Giá Trị Cốt Lõi

“SAVICO địa chỉ tin cậy của các cổ đông và nhà đầu tư, nơi kết nối, gia tăng các lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động, và cộng đồng xã hội trên nền tảng văn hóa SAVICO”.

“Tôn trọng, lắng nghe và xem lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông là lợi ích của chính mình”.

“Đoàn kết, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công”.





Sứ Mạng

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất, mọi hoạt động của Công ty luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng.

“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình”



Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2010 trong bối cảnh kinh tế thế giới đang trong quá trình phục hồi sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu song vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế nước ta tuy đã sớm thoát khỏi tình trạng suy giảm và có mức tăng trưởng khá cao; GDP thực hiện tăng 6,78%, song các chính sách ưu đãi về thuế đối với ngành ô tô ngày càng hạn chế cùng với việc kiểm soát chặt chẽ tín dụng, lãi vay tăng cao, chỉ số giá tiêu dùng gia tăng đã tác động trực tiếp tới hiệu quả của các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Với ý thức trách nhiệm cao nhất của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), Ban Điều Hành (BDH) và sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ quản lý (CBQL), người đại diện phần vốn và cán bộ nhân viên (CBNV) tại các công ty trong toàn hệ thống SAVICO đã không ngừng mở rộng quy mô để đảm bảo thực hiện chiến lược kinh doanh 2010 – 2015. Tổng doanh thu toàn hệ thống đạt 6.524 tỷ đồng. Tổng doanh thu theo báo cáo hợp nhất là 4.188 tỷ đồng, đạt 104,7% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 159,9 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế theo báo cáo hợp nhất là 107,7 tỷ đồng, đạt 107,73% kế hoạch. Để đạt được những kết quả trên chính là nhờ có: (1) công tác dự báo, xây dựng các phương án giải pháp chủ động ứng phó với các tình huống của thị trường, (2) công tác điều hành tài chính trong toàn hệ thống được kiểm soát chặt chẽ đồng thời thanh khoản những danh mục đầu tư không hiệu quả; Khai thác, phát huy có hiệu quả các nguồn vốn nội tại trong hệ thống, (3) hoàn tất các cơ sở pháp lý các dự án, tranh thủ mọi cơ hội để phát triển mạng lưới kinh doanh - dịch vụ ô tô, xe gắn máy để nâng cao thị phần và vị thế cạnh tranh tại các Thành phố lớn đã giúp cho công ty vượt qua được khó khăn, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh đạt được thành tích khả quan. Song điều có ý nghĩa nhất chính là sự đồng thuận, ủng hộ của toàn thể Quý cổ đông luôn giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

Năm 2011, kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chưa vững chắc cùng với những biến động chính trị tại khu vực Trung Đông, Bắc Phi, thiên tai, động đất, sóng thần tại Nhật Bản có nguy cơ đẩy lạm phát lên cao. Đặc biệt tình hình kinh tế trong nước, Chính phủ chủ trương chính sách thắt chặt tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội thông qua Nghị quyết 11/NQ-CP đã chỉ đạo Ngân Hàng Nhà Nước thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng kiểm soát giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 xuống dưới 20%, giảm tốc độ và tỷ trọng vay vốn tín dụng của khu vực phi sản xuất đã gia tăng áp lực đến hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ Thương mại, Bất động sản, và Tài chính.

Song với bản lĩnh, kinh nghiệm và quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống SAVICO, HĐQT tiếp tục chỉ đạo điều hành với tất cả tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng. HĐQT, BDH và toàn thể CBNV đã đề ra những mục tiêu và giải pháp phù hợp nhằm quyết tâm hoàn thành kế hoạch 2011 trình thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) như: phát triển mạnh các lĩnh vực hoạt động trong toàn hệ thống trên cơ sở chuyển hướng phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, đảm bảo tăng trưởng bền vững trên cơ sở quản trị tài chính linh hoạt đảm bảo mục tiêu tài chính an toàn; Xây dựng liên kết ngành, lĩnh vực theo vùng thị trường đảm bảo SAVICO luôn là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam; Tập trung đẩy mạnh phát triển mảng dịch vụ ô tô – xe máy đặc biệt là dịch vụ xe đã qua sử dụng, phát triển thêm các đại lý mới, mở rộng mạng lưới kinh doanh sang những thương hiệu nổi tiếng, đa dạng hóa các sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế của SAVICO trên thị trường; Phát triển và vốn hóa các dự án theo hướng tối đa hóa hiệu quả đầu tư; Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực quản trị cấp cao và cấp trung để bổ sung những vị trí then chốt của Công ty; Tiếp tục hoàn thiện chiến lược nhận diện và quảng bá thương hiệu, quan hệ cổ đông, kế hoạch tổ chức các sự kiện; Đồng thời chủ động công tác chăm lo đời sống CBNV, đóng góp xã hội, cộng đồng với trách nhiệm cao nhất.

Thay mặt HĐQT, xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã tích cực hỗ trợ và hợp tác đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong thời gian vừa qua. Đặc biệt, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, toàn thể Quý cổ đông, Tổng Công ty Bến Thành, các đối tác, các đơn vị tư vấn, ngân hàng, các cơ quan ban ngành Trung ương, Thành phố, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, nhất là sự đồng lòng quyết tâm từ phía BDH, CBNV trong toàn hệ thống giúp cho HĐQT thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và sẽ thực hiện vượt mức kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ năm 2011 giao với tốc độ tăng trưởng ổn định xứng đáng sự tin cậy của Quý cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư.

Xin chân thành cảm ơn.

NGUYỄN VĨNH THỌ
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị





Hội Đồng Quản Trị



1

1 Ông Nguyễn Vĩnh Thọ
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 01/01/1961

Nơi sinh: Gia Lai

Địa chỉ thường trú: 17 Trần Nhật Duật, Q.1, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Savico Hà Nội

Chủ tịch HĐQT CTCP Toyota Đông Sài Gòn

Chủ tịch HĐQT CT Liên Doanh Savico - Vinaland

Chủ tịch HĐQT CTCP Dana



2

2 Ông Lương Quang Hiến
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 25/11/1967

Nơi sinh: Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 93 đường 37, P. Tân Quy, Q.7, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Phó Tổng Giám Đốc CTCP Kinh Đô



3

3 Ông Tế Trí Dũng
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 14/08/1981

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 56 Đinh Công Tráng, P. Tân Định, Q.1, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công Ty Bến Thành

Chủ tịch HĐQT CTCP Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành

Thành viên HĐQT CT Liên Doanh Khách sạn Norfolk

Thành viên HĐQT CTCP Du Lịch Sài Gòn Mũi Né

Trưởng BKS CTCP Đầu Tư Địa Ốc Bến Thành

Trưởng BKS CTCP Chứng Khoán Phương Đông

Hội Đồng Quản Trị

4 Ông Võ Hiến Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 20/06/1956

Nơi sinh: Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 159 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Sư phạm

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: Không

5 Ông Tạ Phước Đạt Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 15/06/1969

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 115/110 A Lê Văn Sỹ, P.13, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Chủ tịch HĐQT CT TNHH TM DV Bến Thành - SAVICO

Thành viên HĐQT CTCP Việt Thái,

Thành viên HĐQT CT Du Lịch Bến Thành Long Hải

Thành viên BKS CTCP TMDV TH Bến Thành

6 Ông Nguyễn Bình Minh Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 13/02/1972

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Thành viên HĐQT CT Liên Doanh SAVICO - Vinaland

Thành viên HĐQT CT TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội

Thành viên HĐQT CTCP SAVICO Hà Nội, Thành viên HĐQT CT Liên

Doanh TNHH Toyota Cần Thơ

Thành viên HĐQT CT TNHH ComfortDelgro SAVICO Taxi

7 Ông Lê Hùng Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 24/08/1974

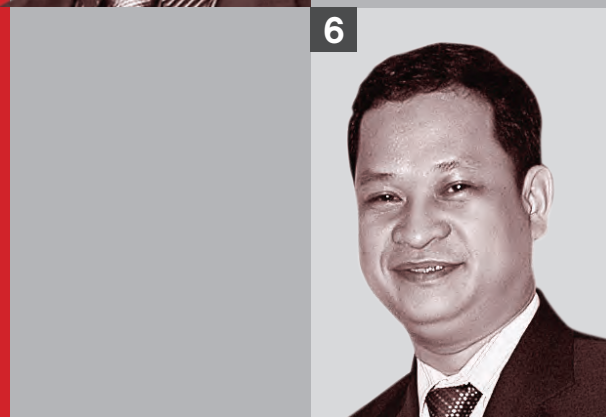
Nơi sinh: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Xã Nghĩa Đông, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Tổng Giám Đốc CTCP SX KD XNK Bình Thạnh





Ban Tổng Giám Đốc

1

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám Đốc

1



2

Ông Võ Hiến
Phó Tổng Giám Đốc

2



3

Ông Mai Việt Hà
Phó Tổng Giám Đốc

3



Ngày sinh: 18/02/1973

Nơi sinh: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Lô A 4-6 Cc Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P.1, Q.4, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Ôtô Thành Phố

Chủ tịch HĐQT CTCP Ôtô Sông Hàn

Chủ tịch HĐQT CTCP Sài Gòn Ngôi Sao

Chủ tịch HĐQT CT TNHH DVTM Sài Gòn

Chủ tịch HĐQT CT TNHH Đông Đô Thành

Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Bến Thành Ôtô

Thành viên HĐQT CT TNHH Sài Gòn Ôtô

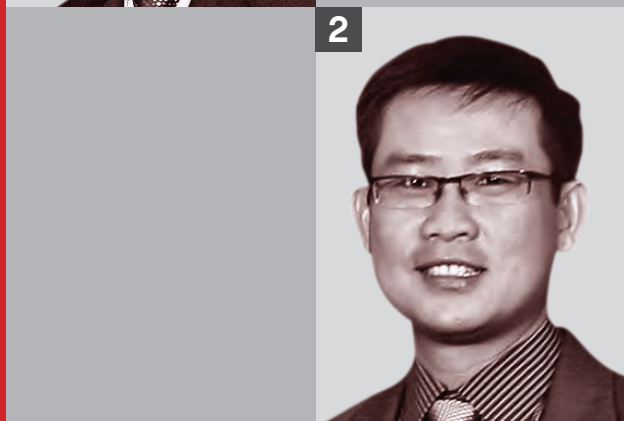
Thành viên HĐQT CT TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành
SAVICO

Ban Tổng Giám Đốc

1 Ông Nguyễn Bình Minh Phó Tổng Giám Đốc



2 Ông Tạ Phước Đạt Phó Tổng Giám Đốc



3 Ông Phan Tuấn Dũng Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 21/08/1969

Nơi sinh: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 10 Nguyễn Đức Cảnh, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Thành viên HĐQT CTCP Dana

Thành viên HĐQT CTCP Du Lịch Bến Thành Non Nước





Ban Kiểm Soát

1

Ông Lê Xuân Đức

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 10/08/1953

Nơi sinh: Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú: 471 Phan Văn Trị, P.7, Q.5, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Phụ trách Kiểm Soát Viên Tổng Công Ty Bến Thành

1



2

Bà Nguyễn Phương Loan

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 06/11/1962

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 518/8/1 Lê Văn Sỹ, P.11, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương Mại - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: Không

2



3

Ông Nguyễn Công Bình

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 31/03/1978

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, Cc Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán - Kiểm Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

Trưởng BKS CTCP Toyota Đông Sài Gòn,

Trưởng BKS CTCP Bến Thành Ôtô,

Thành viên BKS CTCP SAVICO Hà Nội

3



Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty

Lịch sử hình thành và phát triển:

Giai đoạn Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước (1982 – 2004)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào ngày 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1. Năm 1986, Công ty đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là SAVICO. Năm 1990, Công ty là đơn vị tiên phong khởi xướng ngành kinh doanh dịch vụ ô tô, xe gắn máy, du lịch, vận chuyển taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

Từ năm 1998 – 2004, Công ty tập trung chuyển hướng dẫn hoạt động của Công ty sang mô hình Công ty đầu tư, tập trung xây dựng và phát triển chuỗi đại lý phân phối của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Daewoo, Suzuki,... bên cạnh việc phát triển các dự án bất động sản và đầu tư vào những ngành then chốt hỗ trợ cho hoạt động của Công ty...

Giai đoạn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (từ 2005 đến 2010)

Ngày 04/01/2005 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) chính thức đi vào hoạt động. Ngày 21/12/2006, cổ phiếu SAVICO với mã Chứng khoán SVC chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đến ngày 01/06/2009, cổ phiếu SAVICO được chuyển niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Qua 28 năm hoạt động, với 06 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, SAVICO đã xác định mục tiêu chiến lược trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hoạt động trên ba lĩnh vực dịch vụ chủ yếu.

Dịch vụ - Thương mại, là nền tảng hoạt động, Công ty tập trung phát triển trên cơ sở tổ chức các chuỗi hệ thống trung tâm thương mại, khu phức hợp phân phối về ô tô, xe gắn máy và dịch vụ thương mại khác... Thông qua hệ thống các đơn vị thành viên để tổ chức hệ thống mạng lưới kinh doanh, phân phối ô tô cho các nhãn hiệu lớn, có uy tín như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Hyundai, Suzuki...

Dịch vụ Bất động sản - Công ty tập trung xây dựng và phát triển chuỗi hệ thống văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ cho thuê, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, các khu phức hợp nhằm hỗ trợ phát triển lĩnh vực dịch vụ thương mại.

Dịch vụ Tài chính - Công ty tập trung quản trị đầu tư dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn, giải pháp tài chính cho toàn hệ thống vào các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như dịch vụ thương mại, bất động sản...

Tên gọi Công ty và Hệ thống các đơn vị thành viên:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
 Tên giao dịch : SAVICO
 Mã chứng khoán : SVC

Trụ sở chính

Địa chỉ : 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-8) 3821 3913
 Fax : (84-8) 3821 3553 / 3821 5992
 Website : www.savico.com.vn
 Email : savico@savico.com.vn

Hệ thống các chi nhánh và đơn vị thành viên:

03 Chi nhánh: SAVICO – Đà Nẵng, SAVICO – Cần Thơ, SAVICO – An Giang.
 10 Công ty con, 07 Công ty Liên doanh Liên kết



Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO



Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

Mục tiêu chiến lược của Công ty dựa trên nền tảng chủ yếu là tập trung phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại với trọng tâm gia tăng thị phần, phát triển lĩnh vực dịch vụ và nâng cao hiệu quả đầu tư; Điều này đã được khẳng định qua 03 năm hoạt động 2008 – 2010.

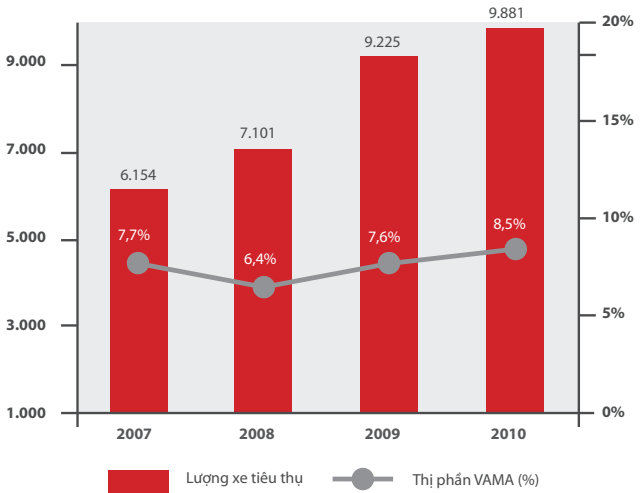
Hệ thống Dịch vụ - Thương mại ô tô

Lượng xe tiêu thụ - Thị phần

Lượng xe tiêu thụ của toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng qua các năm, bình quân 17%/năm.

Hệ thống SAVICO đã khẳng định vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 Việt Nam; Với thị phần trong Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) tăng trưởng cao và ổn định, từ 6,4% trong năm 2008 đã lên 8,5% trong năm 2010.

Đồng thời hệ thống ô tô SAVICO luôn giữ vững thị phần dẫn đầu đối với từng nhà sản xuất liên tục trong các năm qua, hiện tại chiếm :



- ▲ 7/25 đại lý của Toyota Việt Nam.
- ▲ 5/22 đại lý của Ford Việt Nam.
- ▲ 1/19 đại lý của GM-Daewoo VN.
- ▲ 1/18 đại lý của Suzuki Việt Nam.

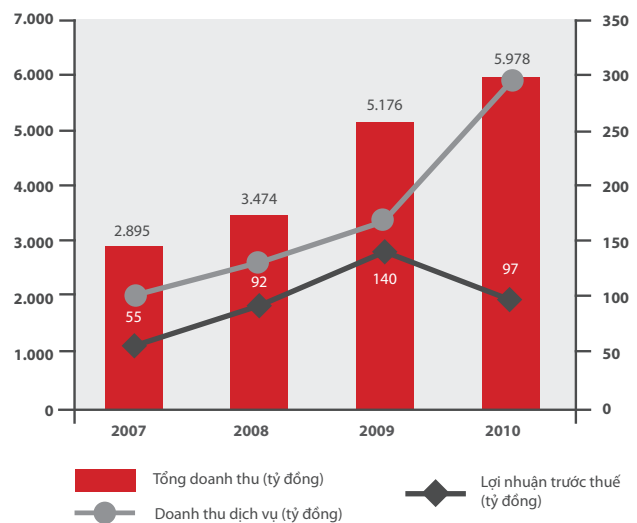
Doanh thu – Lợi nhuận trước thuế

Doanh thu của toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng bình quân 28%/năm, trong đó doanh thu dịch vụ tăng trưởng mạnh, 41%/năm.

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 30%/năm, đặc biệt tăng trưởng mạnh trong 02 năm liên tiếp 2008 và 2009.

Mục tiêu chiến lược 2010 - 2015

- ▲ Giữ vững vị thế nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam, chậm nhất đến 2015, chiếm 10% thị phần VAMA.
- ▲ Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 20% - 30%/năm.
- ▲ Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận từ 20% - 30%/năm.



Công ty CP Bến Thành Ô tô (Ben Thanh Ford)



Công ty CP Ô tô Sông Hàn

Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO

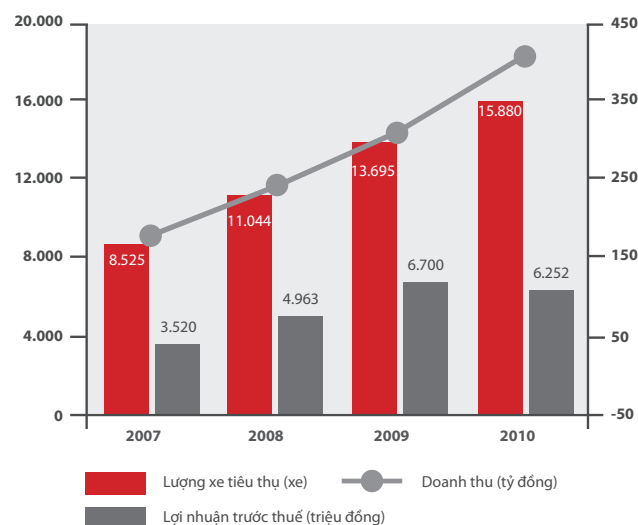
Hệ thống Dịch vụ - Thương mại xe gắn máy

Trong 03 năm 2008 – 2010, các chỉ tiêu kinh doanh của toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO đều có mức tăng trưởng khá ấn tượng, cụ thể:

- ▲ Lượng xe tiêu thụ tăng trưởng bình quân 23%/năm.
- ▲ Doanh thu tăng trưởng 31%/năm.
- ▲ Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 23%/năm.

Mục tiêu chiến lược 2010 - 2015

- ▲ Nâng cao vị thế cạnh tranh, phát triển hệ thống đại lý với các thương hiệu lớn như: Honda, Yamaha, Suzuki, SYM,...
- ▲ Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe gắn máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 30% - 35%/năm.
- ▲ Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận từ 30% - 50%/năm.



Hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác

Liên tục trong các năm qua, Công ty đã tập trung sắp xếp, rà soát hiệu quả đầu tư tại các đơn vị trong hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác, cụ thể:

Củng cố hoạt động của Công ty TNHH ComfortDelgro SAVICO Taxi, đầu tư đổi mới đầu xe, gia tăng hiệu quả kinh doanh, hình ảnh thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

Thoái vốn đầu tư đối với các đơn vị hiệu quả kém, không có tiềm năng phát triển.



Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (YAMAHA SÀI GÒN 2)



Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO



Dự án SAVICO Plaza 115 – 117 Hồ Tùng Mậu, Q. 1, Tp. HCM

Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO

Dịch vụ Bất động sản

Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	SAVICO Đầu Tư	Tiến Độ Pháp Lý	Tiến Độ Thực Hiện
Khu Phức hợp	1. SAVICO Plaza 115 – 117 HTM, Q. 1.	DT đất: 3.023 m ² , 22 tầng cao và 3 tầng hầm, chức năng TT thương mại, văn phòng với tổng vốn đầu tư 48 triệu USD.	SAVICO 50,5% & VinaLand Investment Limited 49,5%	Đã được Sở QHKT chấp thuận các chỉ tiêu quy hoạch (theo văn bản số 2457/SQHKT-QHKTTT). Đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương đầu tư (theo văn bản số 6757/UBND-ĐT). Đã thành lập Công ty liên doanh SAVICO – Vinaland phát triển dự án (đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư). Đã trình hồ sơ xin cấp GCN QSDĐ.	Đã hoàn tất công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư, thu hồi đất, tạo mặt bằng trống sẵn sàng cho thi công xây dựng. Đang thực hiện phần khoan địa chất, khoan thử tải. Các bước thực hiện tiếp theo: thiết kế cơ sở, thi công tường vây, thi công móng hầm.
	2. SAVICO Plaza 104 Phố Quang, Q. Tân Bình	DT đất: 9.028 m ² , 2 tầng hầm và 13 tầng cao, khu phức hợp gồm chức năng: Căn hộ dịch vụ, Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê và Khách sạn.	SAVICO 100%	Đang tiến hành các thủ tục pháp lý để phát triển dự án.	



Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO



Dự án Trung tâm thương mại SAVICO MEGA MALL (Q. Long Biên - Hà Nội)

Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	SAVICO Đầu Tư	Tiến Độ Pháp Lý	Tiến Độ Thực Hiện
	3. SAVICO Mega Mall	DT đất: 46.400 m ² . Dự án được chia thành 02 khu: Khu A với chức năng Đại Siêu thị, Trung tâm Thương mại, Khu giải trí, Khu B với chức năng Showroom ô tô và Văn phòng cho thuê; với tổng vốn đầu tư 25 triệu USD.	SAVICO 100%	Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời hạn thuê đất là 50 năm Quy hoạch 1/500 đã được phê duyệt.	Khu B đã được đưa vào khai thác kinh doanh trong cuối tháng 12/2010. Khu A trong giai đoạn thi công phần thô. Nhà thầu thi công: Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Hòa Bình. Dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động trong quý 4/2011
	4. 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	DT đất: 582,2 m ² , 2 tầng hầm, 14 tầng cao, khu phức hợp bao gồm: căn hộ dịch vụ và văn phòng cho thuê; với tổng vốn đầu tư dự kiến 10 triệu USD.	SAVICO 100%	Chủ trương chấp thuận UBNDTP về dự án đầu tư. Đã có chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc.	Chuẩn bị mời thầu tư vấn thiết kế.
	5. Dự án Nam Cẩm Lệ	DT đất: 21.822 m ² , với chức năng thương mại - dịch vụ và nhà ở.	SAVICO 100%	Đang thực hiện thủ tục để xin cấp Giấy CN QSDĐ.	Đang thực hiện thiết kế tổng mặt bằng và xin phê duyệt QH 1/500.

Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO



Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	SAVICO Đầu Tư	Tiến Độ Pháp Lý	Tiến Độ Thực Hiện
SAVICO Office Building	1. Cao ốc Văn phòng HMT – SAVICO 91 Pasteur, Q. 1, Tp.HCM.	DT đất: 1.604 m ² với 02 hầm và 7 tầng cao với diện tích sàn xây dựng 8.030 m ² , hoàn tất thi công.	SAVICO 51% & Công ty QL Kinh Doanh Nhà Tp.HCM: 49%.	Dự án hợp tác giữa Công ty CP SAVICO và Công ty QL Kinh Doanh Nhà Tp. HCM, trong đó SAVICO chiếm tỉ lệ 51%.	Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định.
	2. Tòa nhà văn phòng 95 – 97 – 99 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp. HCM.	01 trệt, 01 lửng, 04 lầu, đã đưa vào khai thác kinh doanh.	SAVICO 100%		Toà nhà hiện đã đưa vào sử dụng từ tháng 01/2006.
	3. Tòa nhà văn phòng 555 Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp. HCM.	01 trệt, 01 lửng và 05 lầu, đã đưa vào khai thác kinh doanh.	SAVICO 100%		Toà nhà đã được đưa vào sử dụng từ tháng 06/2008.
	4. Tòa nhà văn phòng 35 Đồng Khởi, Q. 1, Tp. HCM.	01 hầm, 01 trệt và 06 lầu, đã đưa vào khai thác kinh doanh.	SAVICO 100%		Tòa nhà hoàn tất và chính thức đưa vào sử dụng trong Quý 3/2009.
	5. Cao ốc văn phòng 56 Bến Văn Đồn, Q. 4, Tp. HCM	DT đất: 3.010 m ² , với 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 24 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 35.049 m ² .	SAVICO 49% & Cty CP XNK Khánh Hội (Khahomex) 51% .	Ngày 07/01/2010 công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội (SAVICO – Khahomex) đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Ngày 20/07/2010 điều chỉnh Giấy phép xây dựng bổ sung công chức căn hộ dịch vụ.	Đã hoàn tất phần tường vây cọc nhồi & cọc xi măng đất, ép cọc đại trà. Đang triển khai thi công phần móng hầm và tầng hầm.
	6. Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng, Q. 1, Tp. HCM	Diện tích đất 476 m ² , với 2 hầm, 1 trệt, 1 lửng và 9 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 4.098m ² .		Đã có giấy phép xây dựng.	Hoàn tất ép cọc thử tĩnh. Triển khai xây dựng tường vây. Hoàn thành thiết kế cơ sở.



Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO

Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	SAVICO Đầu Tư	Tiến Độ Pháp Lý	Tiến Độ Thực Hiện
SAVICO Residence	1. Dự án Khu căn hộ cao tầng Quốc lộ 13, Thủ Đức.	DT đất 18.247 m ² chức năng: chung cư cao tầng (17 tầng) kết hợp trung tâm thương mại.	SAVICO 100%	Đang trình hồ sơ xin thỏa thuận QH tổng mặt bằng tỉ lệ 1/500.	Đã chuyển nhượng toàn bộ dự án.
	2. Dự án Khu khu dân cư Hiệp Bình Phước – Tam Bình, Thủ Đức.	DT đất 55.340 m ² , được quy hoạch làm chung cư cao tầng (18 tầng) gồm hơn 1.666 căn hộ & nhà liên kế kết hợp trung tâm thương mại với tổng diện tích sàn xây dựng 170.000 m ² .	SAVICO 100%	Đã được phê duyệt Qui hoạch 1/500. Đang thực hiện bản vẽ thiết kế thi công & tổng dự toán xây dựng.	Đã hoàn tất phần san lấp mặt bằng, dự kiến trong Quý I năm 2011 chính thức khởi công; Quý II tiếp thị nhà liên kế.
	3. Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu, Tân Phú.	DT đất 10.814 m ² , được quy hoạch làm khu dân cư và trung tâm thương mại, bao gồm 1 tầng hầm, 1 tầng lửng và 20 tầng cao, với tổng diện tích sàn 84.569 m ² ; tổng vốn đầu tư dự kiến 760 tỷ.	SAVICO 30%; KHA 30% và Titco 40%	Chủ trương chấp thuận của UBNDTP về dự án đầu tư. Chủ trương chấp thuận của TCTY Bến Thành về dự án đầu tư. Phê duyệt thiết kế cơ sở.	Thực hiện thẩm định giá đất tại Sở Tài Chính. Đang thực hiện bản vẽ thiết kế thi công.
	4. Dự án Khu biệt thự sinh thái Long Hòa, Cần Giỏi.	Diện tích đất gần 30 hecta với chức năng biệt thự sinh thái vườn, nhà phố liên kế.	SAVICO 50%		Đang tiến hành san lấp mặt bằng
SAVICO Hotel & Resort	1. Dự án Mercure Son Tra Resort.	DT đất 57.650 m ² chức năng gồm: 22 căn villa ven biển cao cấp, khách sạn cao cấp có qui mô 120 phòng, chuẩn 4 sao thương hiệu Mercure cùng các tiện nghi giải trí khác spa, thể thao bãi biển,...	SAVICO 100%	Đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Qui hoạch 1/500 đã được phê duyệt.	Accor (Pháp) là nhà điều hành và quản lý khai thác dự án với thương hiệu Mercure. Savills là đơn vị tiếp thị và bán hàng cho 22 Villas nghỉ dưỡng. Đã khởi công xây dựng hạ tầng công trình trong 08/2010. Hiện đang triển khai công tác thi công san lấp mặt bằng, cơ sở hạ tầng & xây dựng nhà Villas mẫu.
	2. Khu biệt thự Hồ Tràm – Xuyên Mộc	DT đất gần 10 ha. Khu biệt thự ven biển với hơn 58 căn dự kiến được xây dựng theo tiêu chuẩn cao cấp.	SAVICO 100%	Đang thực hiện công tác đền bù giải tỏa mặt bằng.	

Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO



Phối cảnh nhà liên kế khu dân cư Hiệp Bình Phước - Tam Bình



Dự án khu dân cư Hiệp Bình Phước - Tam Bình , Thủ Đức



Dự án Mercure Son Tra Resort (Đà Nẵng)



Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO

Lĩnh vực Dịch vụ Tài Chính

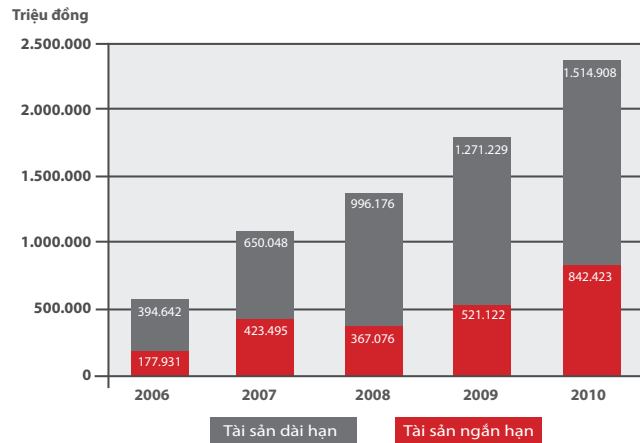
Vốn đầu tư cho lĩnh vực dịch vụ tài chính đầu năm 2010 là 292 tỷ đồng, đến 31/12/2010 là 257 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 10,9% tổng tài sản Công ty.

Sau diễn biến sôi động trong năm 2009 thì năm 2010 là năm khá trầm lắng đối với TTCK Việt Nam. Đây là thời gian Công ty tập trung phân loại, đánh giá lại từng khoản đầu tư để tiếp tục có phương án tái cơ cấu toàn diện Danh mục đầu tư theo hướng tập trung, hiệu quả. Trong năm, Công ty đã thanh khoản toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Việt Á, thu về 60,9 tỷ đồng. Nguồn tiền thu được từ hoạt động thanh khoản đã được sử dụng để tái cấu trúc tài sản/ nguồn vốn của Công ty theo hướng an toàn và giúp Công ty cân đối được một phần nhu cầu tài chính trong những tháng căng thẳng tài chính của hệ thống ngân hàng cuối năm 2010.

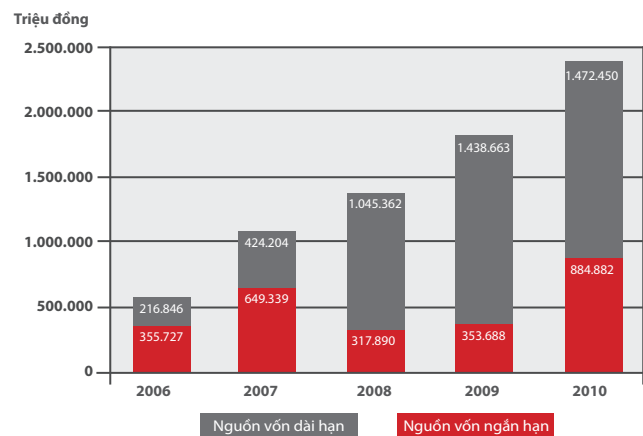
Sau một năm thực hiện Quy chế quản lý hoạt động đầu tư lĩnh vực dịch vụ tài chính, Công ty đã tiến hành đánh giá lại sự phù hợp của Quy chế và có những bước điều chỉnh cần thiết nhằm thực hiện tốt hơn hoạt động đầu tư trong các năm tiếp theo.

Về công tác quản trị tài chính, Công ty đã phân tích hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vào 03 lĩnh vực kinh doanh, trên cơ sở đó tập trung các giải pháp điều hành, cơ cấu lại nguồn vốn, tài sản của Công ty.

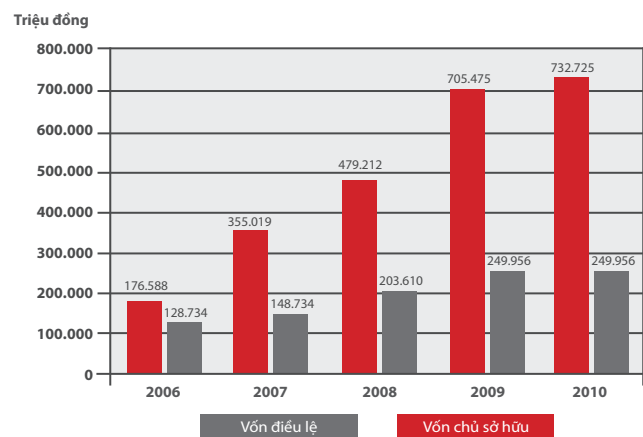
Cơ Cấu Tài Sản 2006 - 2010



Cơ Cấu Nguồn Vốn 2006 - 2010



Cơ Cấu Vốn Chủ Sở Hữu 2006-2010





Báo cáo của Tổng Giám Đốc



Báo cáo của Tổng Giám Đốc

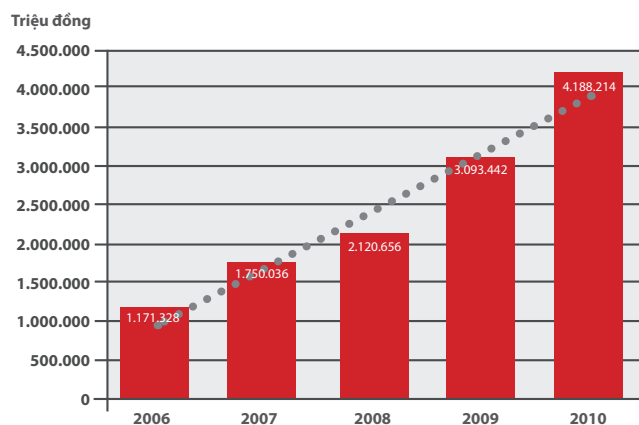
Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2010, Công ty đã tập trung vào các giải pháp điều hành nhằm đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh với kết quả đạt được khả quan. Doanh thu toàn hệ thống đạt 6.524 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 159,9 tỷ đồng.

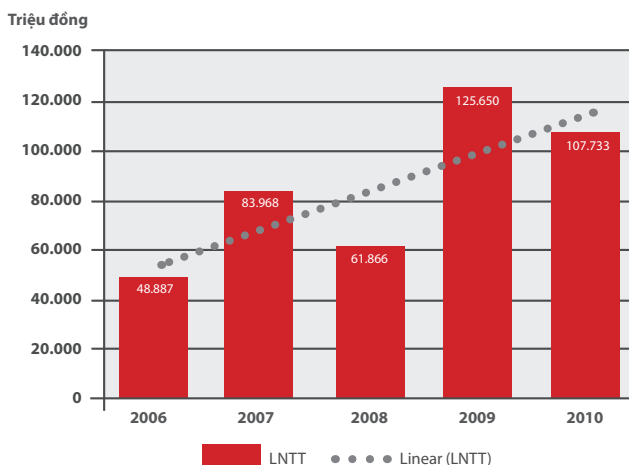
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất về SAVICO là 4.188 tỷ đồng, đạt 104,7% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 107,7 tỷ đồng, đạt 107,73% kế hoạch, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Thực hiện so với Kế hoạch (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	4.000.000	4.188.214	104,70
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	100.000	107.733	107,73
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	80.000	88.653	110,82
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	65.000	71.730	110,35
Cổ tức	%	15	-	-
EPS	VNĐ/cp		2.871	

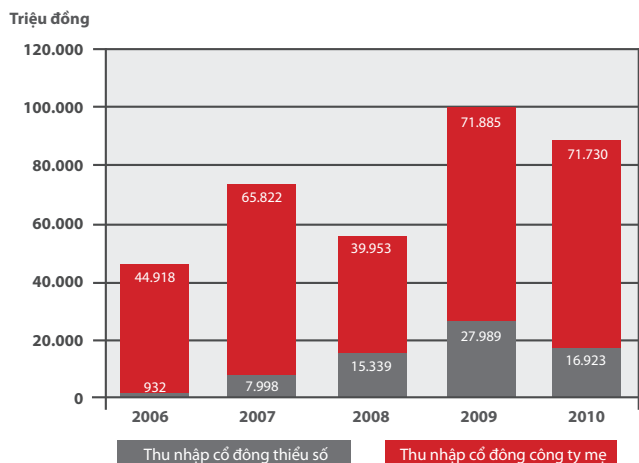
Tăng trưởng doanh thu 2006-2010



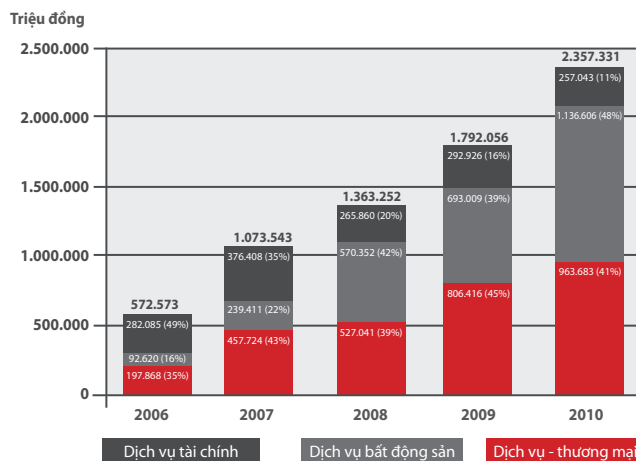
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế từ 2006-2010



Thu nhập cổ đông công ty mẹ và Thu nhập cổ đông thiểu số từ 2006-2010



Cơ cấu vốn đầu tư vào các lĩnh vực 2006-2010



Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Về lĩnh vực Dịch vụ – Thương mại

Công ty đã đánh giá tình hình kinh tế xã hội và xác định lĩnh vực thương mại dịch vụ vẫn là lĩnh vực tiềm năng đảm bảo hiệu quả đầu tư ổn định do vậy ban lãnh đạo đã tập trung theo dõi và đưa ra các giải pháp điều hành theo tình hình thực tế nhằm đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh. Vốn đầu tư cho lĩnh vực Dịch vụ – Thương mại đầu năm 2010 là 806 tỷ đồng, đến 31/12/2010 là 963 tỷ đồng, tăng 19,47% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 41% tổng tài sản Công ty.

Ngành hàng Ô tô

Năm 2010 thị trường ô tô có nhiều khó khăn khi các chính sách ưu đãi về thuế, phí không còn như năm 2009, cùng với áp lực lãi suất, giá tăng, tâm lý khách hàng do dự chờ biểu thuế mới... Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Ban Điều hành cùng với sự nỗ lực của từng đơn vị trong toàn hệ thống công ty đã đạt được kết quả kinh doanh tốt.

Lượng xe tiêu thụ

Lượng xe các đơn vị trong toàn hệ thống ô tô SAVICO tiêu thụ được 9.881 xe, đạt 104% kế hoạch, tăng 7% so với 2009; chiếm 8,5% thị phần VAMA tăng 0,9% điểm thị phần so với cùng kỳ 2009. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi tổng thị trường giảm khoảng 6% nhưng hệ thống SAVICO lại đạt được sự tăng trưởng do các đơn vị thành viên đã tổ chức kinh doanh tốt và công ty cũng đã mở rộng mạng lưới kinh doanh, trong đó chiếm tỷ lệ 22% thị phần Toyota Việt Nam (TMV), 26% thị phần Ford Việt Nam (FVL), 19% thị phần Suzuki VN (Visuco), 5% thị phần GM Daewoo Việt Nam (Vidamco), 3% thị phần của SYM (Sanyang).

Hoạt động kinh doanh dịch vụ của các đơn vị thành viên cũng phát triển tốt và tăng trưởng cao. Doanh thu hoạt động dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện đạt 97% kế hoạch và tăng 25% so với năm 2009.

Lợi nhuận trước thuế

Toàn hệ thống thực hiện đạt 104% kế hoạch và giảm 31% so với cùng kỳ năm 2009 nguyên nhân do chi phí tài chính cao và chi phí bán hàng tăng do cạnh tranh quyết liệt hơn năm 2009.

Năm 2010 đánh dấu một năm về tốc độ mở rộng mạng lưới kinh doanh của công ty, Toàn hệ thống đã phát triển thêm được 7 đại lý kinh doanh mới như Toyota Pháp Vân, Toyota Long Biên tại Hà Nội; Trung tâm kinh doanh xe Toyota đã qua sử dụng tại Gò Vấp, Tp.HCM, Bến Thành Ford, Hyundai Thành Phố, Hyundai Sông Hàn, đại lý xe tải SYM trực thuộc công ty TNHH TMDV Tổng hợp Bến Thành SAVICO...

Đặc biệt công ty tiếp tục khẳng định vị thế số 1 về mạng lưới phân phối và cung cấp dịch vụ ô tô cũng như sản lượng tiêu thụ trên phạm vi cả nước!

Ngành hàng xe gắn máy

Từ đầu năm 2010 thị trường xe gắn máy vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tuy nhiên nguồn cung không ổn định và đặc biệt là nhãn hiệu Suzuki đang sa sút do việc chuyển nhượng cổ phần nội bộ do vậy cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Nhờ sự đánh giá và chuyển đổi ngành hàng kịp thời thông qua việc phát triển mạnh vào thương hiệu đang có tốc độ tăng trưởng cao là Yamaha nên kết quả kinh doanh chung của toàn ngành xe gắn máy vẫn được duy trì và tăng trưởng tốt cụ thể:

Lượng xe tiêu thụ

Toàn hệ thống SAVICO là 15.880 xe, đạt 101% kế hoạch, tăng 16% so với năm 2009.

Doanh thu dịch vụ, phụ tùng phụ kiện toàn ngành xe gắn máy năm 2010 đạt 109% kế hoạch và tăng 48% so với năm 2009.

Lợi nhuận trước thuế

Toàn hệ thống đạt 104% kế hoạch, giảm 20% so với năm 2009. Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao, Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ) và Công ty TNHH TM DV TH Bến Thành – SAVICO (SYM) là 3 đơn vị dẫn đầu và đạt hiệu quả cao trong toàn ngành xe gắn máy của SAVICO.

Công tác phát triển mạng lưới các đơn vị kinh doanh xe máy đảm bảo mục tiêu kế hoạch: khai trương đại lý 3S SYM tại 598-600 Cách mạng tháng 8, quận 3, Tp.HCM, Chi nhánh SAVICO An Giang, đặc biệt là việc phát triển thêm 2 đại lý 3S Yamaha là Công ty TNHH Sài Gòn Phương Nam ở TP Hồ Chí Minh và đại lý 3S Yamaha tại Tp. Cần Thơ.

Ngành hàng khác

Tiếp tục hỗ trợ củng cố tình hình hoạt động của Công ty ComfortDelgro SAVICO Taxi, đầu tư đổi mới 70 xe, gia tăng hiệu quả kinh doanh, hình ảnh và chất lượng dịch vụ của đơn vị bước đầu đã có sự tiến triển tích cực; Đã tiến hành củng cố các đơn vị kinh doanh không hiệu quả (Công ty CP Siêu xe).



Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Về lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

Đứng trước tình hình thị trường Bất động sản tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2010, Công ty đã đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực, khai thác tốt hệ thống mặt bằng kinh doanh tại khu vực trung tâm và tập trung hoàn thiện cơ sở pháp lý các dự án làm tiền đề cho việc phát triển khi có điều kiện thuận lợi. Tính đến thời điểm 31/12/2010 vốn đầu tư cho lĩnh vực này là 1.136 tỷ đồng, tăng 63,9% so với đầu kỳ và chiếm 48% tổng tài sản Công ty.

Năm 2010, việc duy trì và ổn định kinh doanh tạo nguồn thu ổn định cho Công ty là nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực Bất động sản. Mặc dù lợi nhuận trong năm 2010 đạt được chưa cao nhưng lĩnh vực này cũng đã góp 43,73% vào cơ cấu lợi nhuận của Công ty và tăng 17,2% so với cùng kỳ 2009.

Ngoài ra công tác triển khai dự án cũng được tập trung giải quyết một cách triệt để. Cụ thể:

- ▲ **Dự án SAVICO Mega Mall với tổng diện tích sàn hơn 63.400 m2, trung tâm thương mại lớn nhất tại Hà Nội.** Từ đầu năm 2011, Công ty đã đưa vào khai thác kinh doanh khu B với diện tích sàn xấp xỉ 8.500 m². Riêng khu A, với diện tích sàn xấp xỉ 54.900m², đang trong giai đoạn hoàn tất. Bên cạnh các khách hàng lớn, tiềm năng đã đặt cọc và ký hợp đồng thuê dài hạn thì Công ty đang gấp rút phối hợp với đơn vị tư vấn quản lý tổ chức giới thiệu, tiếp thị và đưa khu A vào khai thác kinh doanh vào tháng 11 năm 2011.
- ▲ **Dự án SAVICO Plaza 115-117 Hồ Tùng Mậu,** với quy mô 03 tầng hầm 22 tầng cao, chức năng trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao và căn hộ cho thuê. Công ty đã thực hiện xong việc đền bù giải tỏa, Công ty đang tập trung khảo sát địa chất, bổ sung chuyển đổi công năng điều chỉnh thiết kế, xin giấy phép xây dựng trong quý 2 năm 2011; Bên cạnh đó Công ty cũng phối hợp với đối tác, đơn vị tư vấn kinh doanh tiếp thị vào cuối năm 2011.
- ▲ **Dự án Cao ốc 91 Pasteur,** gồm 2 tầng hầm và 7 tầng cao đã hoàn tất công trình và đưa vào khai thác kinh doanh 100% công suất từ giữa tháng 08/2010.
- ▲ **Dự án Mercure Son Tra Resort, Đà Nẵng** với quy mô 22 biệt thự bãi biển cao cấp và khách sạn 120 phòng đạt tiêu chuẩn 4 sao, do tập đoàn quản lý khách sạn Accor (Pháp) khai thác kinh doanh. Dự án đã được khởi công trong tháng 08/2010, hiện nay đang xây dựng hạ tầng và biệt thự. Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn kinh doanh để hoàn tất các thủ tục cuối cùng cho việc tổ chức chào bán biệt thự, đợt 1 vào tháng 04/2011.
- ▲ **Dự án Khu dân cư Hiệp Bình Phước – Tam Bình** với tổng diện tích 5,5 ha gồm hơn 1.600 căn hộ chung cư cao tầng và nhà phố liền kề; dự án hiện đã hoàn tất san lấp mặt bằng, được phê duyệt Quy hoạch 1/500 và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết khác; công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và nền móng cho khu nhà liền kề đang được triển khai nhằm mục tiêu đưa vào khai thác kinh doanh trong Q.2/2011.
- ▲ **Dự án Cao ốc 277-279 Lý Tự Trọng,** đang áp rút tiến hành khởi công xây dựng trong tháng 04 năm 2011, hoàn tất đưa vào khai thác kinh doanh vào tháng 05/2012.
- ▲ **Dự án Cao ốc Khahomex – SAVICO, 56 Bến Vân Đồn, với hơn 13.000 m2 sàn văn phòng cho thuê và 150 căn hộ dịch vụ;** dự án đã hoàn tất việc chuyển đổi công năng và đang gấp rút hoàn tất phần móng và hầm. Công tác kinh doanh tiếp thị cho thuê 150 căn hộ dịch vụ đã được triển khai.
- ▲ **Dự án Cao ốc 66B-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,** đã hoàn tất thỏa thuận kiến trúc, đang thực hiện chuyển đổi, bổ sung thêm công năng.
- ▲ **Đặc biệt trong năm Công ty đã đầu tư vào Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng** với qui mô 2,1ha bằng nguồn vốn thu được từ việc thanh khoản danh mục đầu tư tài chính.

Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Về lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

Năm 2010 thị trường tài chính, chứng khoán có nhiều biến động, tác động xấu tới tình hình kinh doanh của lĩnh vực dịch vụ tài chính. Bên cạnh đó chính sách lãi vay và cơ chế tỷ giá đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của lĩnh vực tài chính nói riêng và toàn hệ thống SAVICO nói chung. Tính đến thời điểm 31/12/2010 vốn đầu tư cho lĩnh vực này là 257 tỷ đồng, giảm 12,25% so với đầu kỳ và chiếm 11% tổng tài sản Công ty.

Với thực tế đó, trong năm 2010, Công ty đã mạnh dạn cơ cấu lại Danh mục đầu tư, kiên quyết thanh khoản những Danh mục không hiệu quả, tạo dòng tiền và giảm chi phí sử dụng vốn, cụ thể đã thanh khoản 02 danh mục đầu tư tài chính dài hạn, thu về dòng tiền mặt và giảm tài sản ở lĩnh vực này là hơn 70 tỷ đồng. Bên cạnh mục tiêu là đóng góp một phần lợi nhuận vào cơ cấu lợi nhuận, chiếm 13,81% cơ cấu lợi nhuận, thì hoạt động của lĩnh vực còn được chú trọng đến công tác kiểm soát danh mục đầu tư nhằm đảm bảo hoạt động đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy chế đầu tư tài chính, giảm thiểu các rủi ro.

Về công tác Quản trị tài chính

Công ty đặc biệt quan tâm và nâng cao chất lượng công tác Quản trị tài chính với việc tập trung theo dõi sát các diễn biến của thị trường tài chính – tiền tệ và chính sách điều hành kinh tế của Chính phủ, từ đó đề ra các giải pháp phù hợp trong hoạt động kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí và gia tăng hiệu quả cho công ty.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát hiệu quả sử dụng vốn, danh mục đầu tư cũng như tạo vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động chung của toàn Công ty. Cụ thể: Công ty đã tập trung cơ cấu lại nguồn vốn – tài sản, phân tích hoạt động kinh doanh và rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của từng lĩnh vực; bước đầu xây dựng và thực hiện chính sách tài chính linh hoạt trong toàn hệ thống. Thực hiện luân chuyển vốn giữa các đơn vị nội bộ trong hệ thống SAVICO với số tiền 104 tỷ đồng; Tổng Công ty Bến Thành và các đơn vị trong hệ thống với số tiền là 38 tỷ đồng.

Ngoài ra, công tác huy động vốn phục vụ cho nhu cầu vốn kinh doanh và đầu tư trong toàn hệ thống năm vừa qua đã được công ty thực hiện khá tốt, tổng lượng vốn các Ngân hàng và tổ chức tín dụng đã cung cấp cho toàn hệ thống SAVICO là 455 tỷ đồng, riêng Ngân hàng TMCP Phương Đông tài trợ 185 tỷ đồng. Thêm vào đó, Công ty cũng đã chủ động tìm kiếm và khai thác nguồn vốn mới từ việc phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu để phát triển dự án bất động sản và cơ cấu lại tài chính.



Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Công tác quản trị rủi ro

Công tác quản trị rủi ro là vấn đề trọng tâm trong hệ thống quản trị của SAVICO. Thông qua công tác quản trị rủi ro SAVICO đã tiến hành xem xét, đánh giá các cơ hội có thể đem lại các lợi ích cũng như quản trị những nguy cơ có tác động bất lợi nhằm giúp SAVICO phát triển bền vững.

Định hướng quản trị rủi ro của Công ty tập trung chủ yếu vào kiểm soát các rủi ro về quy trình hoạt động và rủi ro về tài chính. Để thực hiện điều này, trong năm qua bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty đã tiến hành kiểm soát định kỳ cũng như bất thường đối với toàn hệ thống nhằm phát hiện được các rủi ro, từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp góp phần giảm thiểu rủi ro của toàn hệ thống SAVICO trong bối cảnh kinh tế 2010.

Cổ tức

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 mức cổ tức năm 2010 dự kiến là 15%/vốn điều lệ. Ban Điều Hành dự kiến đề xuất với Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt mức chia cổ tức năm 2010 là 15%/vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 5%/vốn điều lệ bằng tiền mặt vào tháng 01/2011.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2011

Nhận định tình hình

Năm 2011, kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chưa vững chắc cùng với những biến động chính trị tại khu vực Trung Đông, Bắc Phi, thiên tai, động đất, sóng thần tại Nhật Bản có nguy cơ đẩy lạm phát lên cao. Cùng với mục tiêu điều hành của Chính phủ là kiểm chế lạm phát, ổn

định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô. Chính phủ đã triển khai thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, phối hợp hài hòa giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để kiểm chế lạm phát; điều hành và kiểm soát để bảo đảm tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 dưới 20%, tổng phương tiện thanh toán khoảng 15-16%; hạn chế tín dụng đối với khu vực phi sản xuất... đặc biệt là việc điều chỉnh chính sách tỷ giá cùng với việc tăng giá điện, giá xăng dầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh cũng như chi phí đầu vào của các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong toàn bộ hệ thống Công ty.

Mục tiêu – Nhiệm vụ cụ thể

Toàn hệ thống SAVICO tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh 2010 – 2015 và tầm nhìn 2020. Cụ thể như sau:

- (1) Tập trung kiểm soát chi phí hoạt động, chi phí sử dụng vốn, xây dựng hệ thống quản trị phòng ngừa rủi ro. Tập trung gia tăng hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ. Cụ thể, Công ty tập trung kiểm soát hoạt động kinh doanh trong toàn hệ thống trên cơ sở các chỉ tiêu Lợi nhuận gộp, Lợi nhuận trước thuế, chi phí hoạt động theo đơn vị sản phẩm...
- (2) Tập trung củng cố và gia tăng chất lượng công tác quản trị kinh doanh, quản trị tài chính... trong đó đặc biệt quan tâm quản trị nguồn nhân lực để đảm bảo công tác phát triển hệ thống gắn liền với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Chuyển hướng phát triển chiều rộng sang tập trung quản trị chiều sâu để gia tăng hiệu quả kinh doanh các mặt.
- (3) Tập trung xem xét hiệu quả đầu tư sử dụng vốn trên 3 lĩnh vực hoạt động chính trong toàn hệ thống Công ty.
- (4) Thực hiện xây dựng kế hoạch và lộ trình cắt giảm tổng tài sản, cơ cấu nguồn vốn, đảm bảo sử dụng vốn an toàn, bền vững. Cụ thể sẽ giảm vốn đầu tư ở lĩnh vực Bất động sản và Tài chính từ 300 – 500 tỷ đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 (HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt)

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch 2011 so với KH 2010 (%)
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	Trđ	4.188.214	5.000.000	125,00
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	107.733	100.000	100,00
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	88.653	80.000	100,00
Thu nhập cổ đông Cty mẹ	Trđ	71.730	65.000	100,00
Cổ tức	%	15	15	100,00

(*) Đây là kế hoạch kinh doanh năm 2011 dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT được điều chỉnh sau 6 tháng đầu năm 2011 cho phù hợp với tình hình thị trường.

Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Giải pháp thực hiện

Lĩnh vực Dịch vụ – Thương mại

- ▲ Theo dõi sát tình hình diễn biến thị trường Ôtô – xe máy và các chính sách của Nhà nước kịp thời đưa ra các giải pháp điều hành cụ thể theo tình hình thực tế nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh tại các đơn vị. Duy trì là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam.
- ▲ Tập trung đẩy mạnh phát triển nâng cao hiệu quả dịch vụ ô tô – xe máy đặc biệt là dịch vụ mua bán xe đã qua sử dụng nhằm bổ sung hiệu quả cho hoạt động mua bán xe mới; hạn chế sự tác động từ các chính sách vĩ mô và các khó khăn khách quan khác, đảm bảo hiệu quả kinh doanh bền vững.
- ▲ Thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí hoạt động thông qua việc rà soát, theo dõi chặt chẽ tình hình kinh doanh hàng tháng với mục tiêu toàn hệ thống giảm từ 10 – 20% chi phí quản lý so với năm 2010;
- ▲ Tiếp tục phát triển thêm các đại lý mới đối với các thương hiệu có tiềm năng tăng trưởng tốt, mở rộng mạng lưới kinh doanh và quản trị theo chiều sâu, đa dạng hóa các sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế của SAVICO trên thị trường.
- ▲ Tiếp tục nghiên cứu việc đầu tư vào các ngành hàng mới phù hợp với chiến lược phát triển.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- ▲ Phát huy khai thác tối đa các mặt bằng, trung tâm thương mại hiện có. Tăng cường công tác tiếp thị kinh doanh các dự án đang triển khai.
- ▲ Tập trung triển khai các dự án trọng điểm thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo kiểm soát tốt hiệu quả sử dụng vốn và kế hoạch dòng tiền của từng dự án.
- ▲ Kiểm soát hiệu quả đầu tư sử dụng vốn lĩnh vực, các dự án chỉ triển khai khi đảm bảo việc kinh doanh tiếp thị có hiệu quả ...

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

- ▲ Rà soát, đánh giá cơ cấu vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn từng lĩnh vực. Xác định lợi nhuận bền vững cho từng lĩnh vực và toàn hệ thống Công ty.
- ▲ Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn từng danh mục đầu tư tài chính, thanh khoản những danh mục không hiệu quả...
- ▲ Xây dựng và kiểm soát dòng tiền theo từng tháng/quý/năm. Giám sát công tác đầu tư mới trong từng lĩnh vực; kiểm soát tình hình công nợ, hàng tồn kho... đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
- ▲ Tiếp tục hoàn thiện Quy chế đầu tư, Hệ thống quản trị và phòng ngừa rủi ro. Thường xuyên đánh giá định kỳ theo tháng, quý để nâng cao hiệu quả Công ty.

Công tác quản trị

- ▲ Xây dựng và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch năm 2011 của các đơn vị/bộ phận; Cụ thể năm 2011, Công ty đã thành lập 4 Tổ công tác thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong toàn hệ thống;
- ▲ Kiểm soát cơ cấu nguồn vốn đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ở 3 lĩnh vực hoạt động của Công ty; Từng đơn vị, bộ phận xây dựng, triển khai và tổ chức kiểm soát kế hoạch kinh doanh, kế hoạch chi phí đến từng nhân viên, chuyên viên nhằm mục tiêu gia tăng tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành doanh nghiệp;
- ▲ Ban Điều Hành tập trung chỉ đạo đánh giá, xây dựng và triển khai các chương trình hoạt động nhằm mục đích gia tăng hình ảnh, nâng cao thương hiệu SAVICO; Vận động toàn hệ thống thực hiện chủ trương tiết kiệm, cắt giảm chi phí sinh hoạt, lễ hội. Tập trung chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên;
- ▲ Thông qua việc hình thành Ban Quan hệ Cổ đông nhằm tăng cường công tác chăm sóc Cổ đông và đảm bảo thông tin giữa Công ty và Cổ đông được nhanh chóng và kịp thời.

Hệ thống Quản trị và Nguồn nhân lực





Hệ thống Quản trị và Nguồn nhân lực

Cơ cấu tổ chức của Công ty (đính kèm sơ đồ tổ chức)

Công tác Quản trị nguồn nhân lực

Số lượng nhân sự, trình độ trong toàn hệ thống

Tại thời điểm 31/12/2010 toàn hệ thống SAVICO có tổng số 1.915 cán bộ nhân viên, tăng 15,22% so với năm 2009.

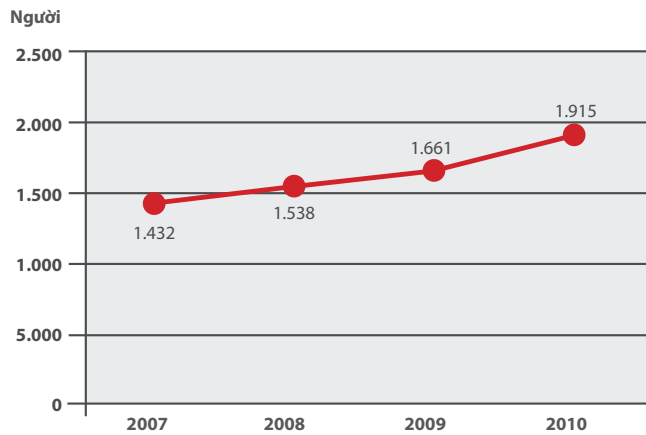
Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới kinh doanh nên xu hướng tăng lao động trong năm chủ yếu tập trung ở đội ngũ nhân viên, chuyên viên, lực lượng bổ sung chủ yếu từ số sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng góp phần làm đội ngũ lao động của hệ thống gia tăng về số lượng lẫn chất lượng.

Trình độ chuyên môn lao động toàn hệ thống SAVICO

Công tác quản trị nguồn nhân lực

- ▲ Với phương châm “nguồn nhân lực là yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững của công ty, việc thực hiện những chính sách thu hút nhân sự giỏi luôn là mục tiêu hàng đầu của Công ty. SAVICO tiếp tục duy trì, mở rộng quy mô triển khai trong toàn hệ thống chương trình “Thực tập sinh” dành cho các sinh viên có kiến thức, kỹ năng, tư chất tốt nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực trong dài hạn.

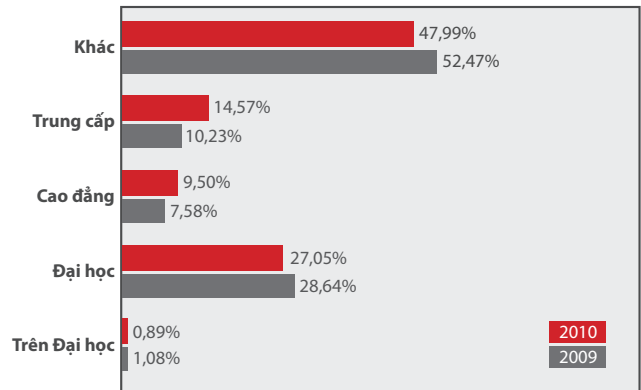
Lao động tại SAVICO từ 2007 - 2010



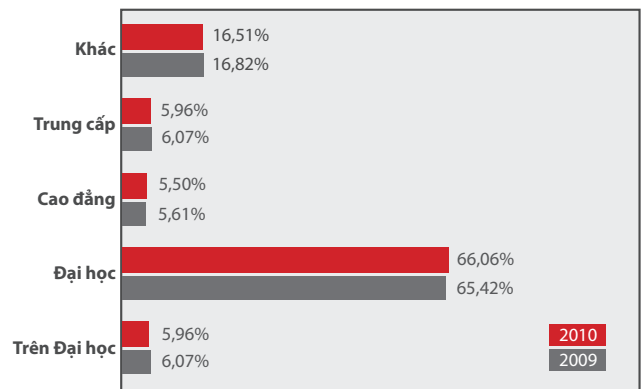
Hệ thống Quản trị và Nguồn nhân lực

- ▲ Với mục tiêu định hướng cho CBNV phát triển sự nghiệp tại SAVICO, công ty đã xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp, trong đó CBNV được tạo điều kiện để tối đa hóa giá trị, năng lực cá nhân và có cơ hội phát triển.
- ▲ Mục tiêu của công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại hệ thống SAVICO là phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty nhằm trang bị cho CBNV kiến thức, kỹ năng tiên tiến, tư duy sáng tạo và độc lập trong công tác; xây dựng tác phong chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm trong công việc, phục vụ khách hàng tốt nhất và phát triển tiềm năng của mỗi nhân viên. Công tác đào tạo và phát triển được SAVICO quan tâm ở tất cả các vị trí, coi đây là sự đầu tư cần thiết. Đối với Cán bộ quản lý trong toàn hệ thống, SAVICO chú trọng đào tạo tầm nhìn chiến lược trong định hướng phát triển của Công ty.
- ▲ SAVICO luôn bảo đảm hài hòa quyền lợi về lương, thưởng và các khoản hỗ trợ khác cho cán bộ nhân viên cũng như lợi ích của Công ty. SAVICO luôn tiến hành rà soát, cập nhật thông tin khảo sát về lương trên thị trường và điều chỉnh chính sách phù hợp nhằm duy trì, phát triển nguồn nhân lực.
- ▲ Năm 2011, SAVICO tiếp tục đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực, hướng đến hình thành Quỹ Chăm sóc tài năng trẻ trong toàn hệ thống SAVICO dành cho tất cả CBNV nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kế cận đáp ứng quy mô phát triển của toàn hệ thống SAVICO.

Tỷ lệ trình độ chuyên môn của lao động toàn hệ thống SAVICO năm 2009 - 2010

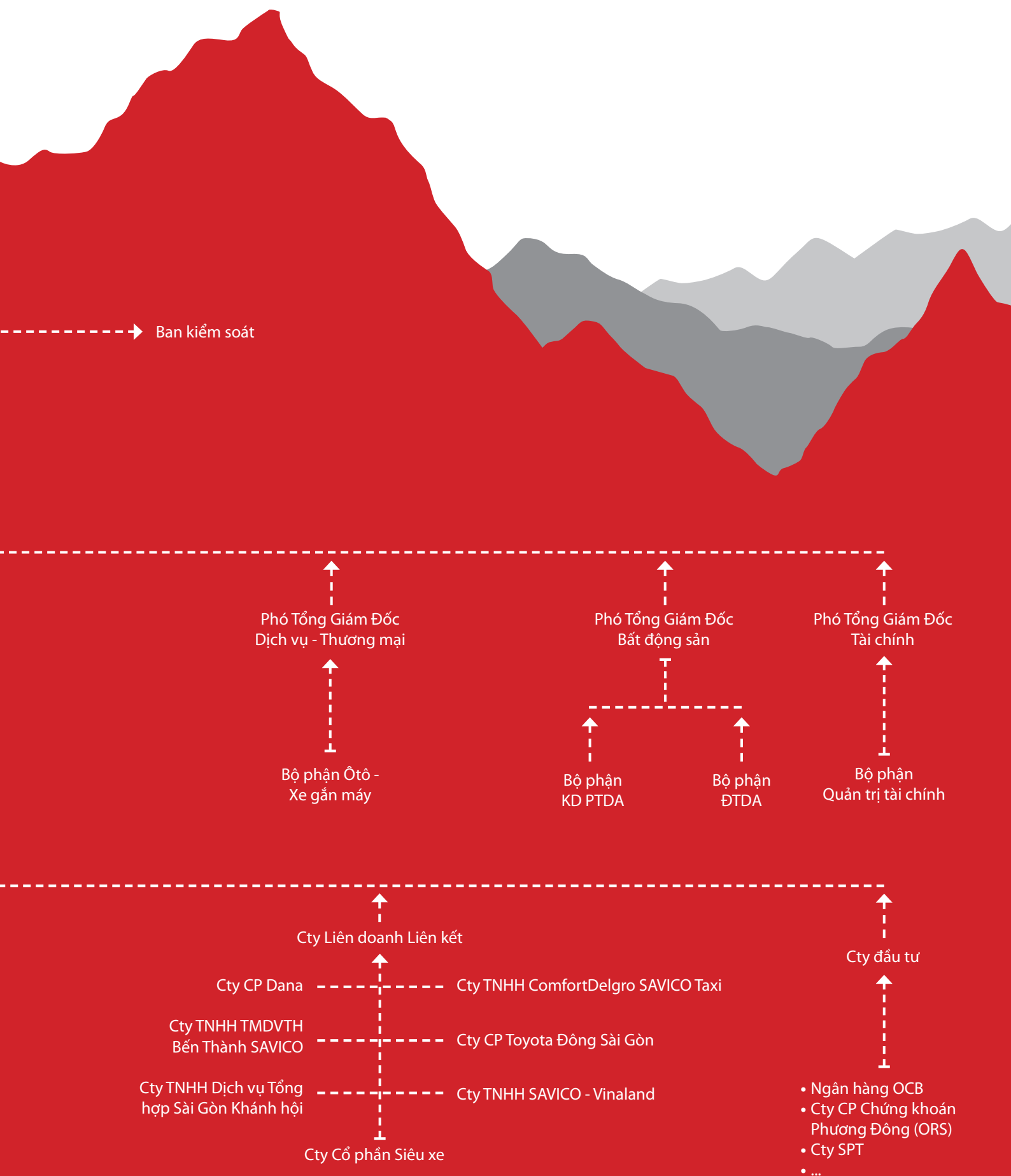


Tỷ lệ trình độ chuyên môn của CBQL toàn hệ thống SAVICO năm 2009 - 2010



Sơ Đồ Tổ Chức







**Thông tin về Cổ đông và
Quản Trị Công ty**

Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2010

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao một cách cẩn trọng, tổ chức theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT định kỳ hàng tháng, quý. Qua đó, giúp cho HĐQT có những chỉ đạo kịp thời cho BĐH tận dụng các cơ hội, khai thác những nguồn lực của Công ty một cách tốt nhất.

Các Công ty thành viên trong toàn hệ thống của SAVICO cũng đã nỗ lực vượt qua khó khăn, kịp thời nắm bắt những chính sách hỗ trợ của Chính phủ để phát triển kinh doanh, gia tăng hiệu quả đầu tư, trong đó lĩnh vực ô tô, xe gắn máy đều đã đạt và vượt kế hoạch ngoài dự kiến, toàn hệ thống SAVICO vẫn tiếp tục duy trì và giữ vững vị trí mục tiêu là Nhà cung cấp ô tô số 1 Việt Nam, lợi nhuận trước thuế các Công ty thành viên đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2010, các chỉ số về chăm sóc và hài lòng khách hàng đều vượt trội và vươn lên đứng đầu, giành nhiều giải thưởng lớn của các nhà cung cấp. Song song đó, HĐQT tập trung chỉ đạo kiểm tra, hỗ trợ, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh một số đơn vị hoạt động không hiệu quả. Lĩnh vực dịch vụ Bất động sản, tiếp tục duy trì và phát huy khả năng khai thác từ các mặt bằng ổn định hiện tại, vốn hóa và triển khai các dự án trọng điểm, điều quan trọng nhất là đã hoàn thiện xong cơ sở pháp lý các dự án làm tiền đề cho việc chuẩn bị triển khai, phát triển các dự án trong những năm tiếp theo đã góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐTN và HĐQT giao.

Hoạt động của HĐQT

- ▲ HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, và trưng cầu trên 50 lần theo hình thức gửi Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, qua đó đã ban hành trên 90 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:
 - 04 Quyết định về việc thành lập Công ty và Chi nhánh;
 - 19 Quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ Bất Động Sản;
 - 17 Quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ Tài chính;
 - 32 Quyết định về nhân sự;
 - 23 Quyết định về một số vấn đề hoạt động của Công ty;

- ▲ Hàng quý, HĐQT tiến hành xem xét việc thực hiện các Quy chế quản trị và các quy định do HĐQT ban hành; Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và các cơ quan chức năng.
- ▲ HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp để chỉ đạo Ban Điều Hành và cán bộ quản lý, người đại diện vốn tại các Công ty trong hệ thống Công ty cổ phần SAVICO tìm ra các giải pháp tích cực, đặc biệt tập trung chỉ đạo các công ty thành viên tận dụng các cơ hội phát triển như đã xây dựng và đưa vào sử dụng phần 1 của dự án SAVICO Mega Mall tại Hà Nội; Khởi công xây dựng dự án Mercure Sơn Trà; phối hợp các cơ quan chức năng hoàn tất công tác giải tỏa đền bù dự án 115 – 117 Hồ Tùng Mậu; Cơ cấu lại danh mục đầu tư, kiên quyết thanh khoản những danh mục không hiệu quả tạo dòng tiền và giảm chi phí sử dụng vốn; nâng cao chất lượng quản trị nội bộ, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát danh mục đầu tư được thực hiện theo đúng quy chế đầu tư tài chính.
- ▲ Tổ chức, giám sát việc phát hành 100 tỷ trái phiếu để phát triển dự án Hiệp Bình Phước- Tam Bình và cơ cấu tài chính Công ty.
- ▲ Thành lập các tiểu ban Kế hoạch–Chiến lược, Dịch vụ-Thương mại, Bất động sản, Tài chính, Nguồn nhân lực, Sự kiện-Thương hiệu để phân tích, đánh giá, giám sát, thẩm định. Các Tiểu Ban đã có nhiều tham mưu, tư vấn, hỗ trợ cho các hoạt động của HĐQT, qua đó đã giúp cho HĐQT có những quyết định kịp thời và hiệu quả.
- ▲ Tiếp tục thu hút nguồn nhân lực có trình độ để tăng cường hiệu quả quản trị cho Ban Điều Hành, cử nhân sự làm người đại diện vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, và cử một số cán bộ tham gia quản lý tại các doanh nghiệp khác.



Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty

Công tác giám sát và quản lý điều hành

HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của TGD, bộ máy giúp việc cho TGD và người đại diện phần vốn tại các công ty có vốn góp của SAVICO, phối hợp với Ban Kiểm Soát của Công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động như:

- ▲ Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, và các Quyết định HĐQT đã ban hành.
- ▲ Hàng quý HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho BĐH tập trung củng cố những đơn vị chưa có hiệu quả và gia tăng hoạt động dịch vụ tại các Công ty thành viên.
- ▲ Ban hành Quy chế quản lý đầu tư lĩnh vực Tài chính nhằm tăng cường hiệu quả, tham mưu, đề xuất các giải pháp cho Tổng Giám Đốc cơ cấu danh mục đầu tư tài chính và hạn chế rủi ro của các dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ tài chính,

Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và các cơ quan chức năng, các quy chế quản trị của Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm Soát đã kiểm tra tình hình hoạt động, thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo riêng theo định kỳ (6 tháng, 9 tháng, cả năm), với những nội dung kiểm tra chủ yếu như sau:

- ▲ Việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong việc ghi nhận tài sản và nguồn vốn, doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, tính tuân thủ chế độ hiện hành trong công tác hạch toán, kế toán;
- ▲ Kiểm tra tình hình tài chính bao gồm: việc xác định cơ cấu tài sản (tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn) và cơ cấu nguồn vốn (Nợ phải trả và vốn Chủ sở hữu) của công ty trong từng kỳ;
- ▲ Phối hợp cùng Ban Điều Hành, kiểm tra tình hình hoạt động tại các đơn vị trong hệ thống của SAVICO ở miền Bắc, miền Trung và Cần Thơ..

Qua đó Ban KiểmSoát đã đưa ra những kiến nghị nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác quản trị tài chính, quản trị tài sản của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT

Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	%
1. Nguyễn Vinh Thọ	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám Đốc	250.012	1,000
2. Nguyễn Bình Minh	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	67.900	0,272
3. Tạ Phước Đạt	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	27.726	0,111
4. Tề Trí Dũng	Thành viên HĐQT	28.500	0,114
5. Võ Hiến	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	77.673	0,311
6. Lê Hùng	Thành viên HĐQT	-	0,000
7. Lương Quang Hiến	Thành viên HĐQT	-	0,000
8. Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám Đốc	7.800	0,031
9. Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám Đốc	88.300	0,353
10. Hoàng Thị Thảo	Kế Toán Trưởng	28.473	0,114
11. Lê Xuân Đức	Trưởng BKS	4.693	0,019
12. Nguyễn Công Bình	Thành viên BKS	156	0,001
13. Nguyễn Phương Loan	Thành viên BKS	7	0,000

Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty

Giao dịch của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

Tên tổ chức/ cá nhân giao dịch	Chức vụ/ Loại cổ đông	Người liên quan	Cổ phần nắm giữ trước giao dịch	Mua	Bán	Thời gian thực hiện	Cổ phần nắm giữ sau giao dịch
Tổng Công ty Bến Thành		Nguyễn Vĩnh Thọ	6.776.393	1.000.000 1.200.000	145.670	26/01/2010 24/06/2010	8.830.723
Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc		162.712 -	20.000 67.300		09/07/2010 30/09/2010	250.012
Nguyễn Phương Loan	Thành viên Ban Kiểm soát		2.347		2.340	08/09/2010	7
Hoàng Thị Thảo	Kế toán trưởng		48.473		20.000	09/07/2010	28.473
Quỹ Tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn		1.926.099	30.000 285.120 29.000 232.160 115.580 153.240 119.640	389.000 140.129 13.800 06/10/2010 14/12/2010 21/12/2010	07/01/2010 14/05/2010 26/05/2010 31/07/2010 06/10/2010 14/12/2010 21/12/2010	2.207.700
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người liên quan	Quỹ Tầm nhìn SSI	802.000	223.900 634.170 10.500 227.630	318.120 524.790	14/01/2010 14/01/2010 17/05/2010 31/07/2010	1.055.290

Thống kê Cổ phiếu trong năm 2010

Thống kê cổ phiếu SVC năm 2010	ĐVT	Số liệu
Giá đóng cửa ngày 31/12/2009	đồng/CP	36.000
Giá đóng cửa ngày 31/12/2010	đồng/CP	25.000
Giá cao nhất trong năm	đồng/CP	40.100
Giá thấp nhất trong năm	đồng/CP	19.400
Tổng KLGD khớp lệnh	CP	28.546.450
Khối lượng giao dịch bình quân/phiên	CP/phiên	114.186
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Giá trị vốn hóa ngày 31/12/2010	tỷ đồng	575
Giá trị sổ sách ngày 31/12/2010	đồng/CP	29.338
EPS (2010)	đồng/CP	2.871
P/E (31/12/2010)	lần	8,71
P/B (31/12/2010)	lần	0,85
Tỷ lệ sở hữu Cổ đông Nhà nước	%	35,33
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN	%	8,55



Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty

Giá cổ phiếu SAVICO biến động mạnh trong năm 2010

Giá cổ phiếu SVC có mức giảm sâu so với thị trường trong 6 tháng cuối năm 2010. Theo chúng tôi, sở dĩ giá cổ phiếu SVC có diễn biến như trên do ảnh hưởng của một số nguyên nhân sau:

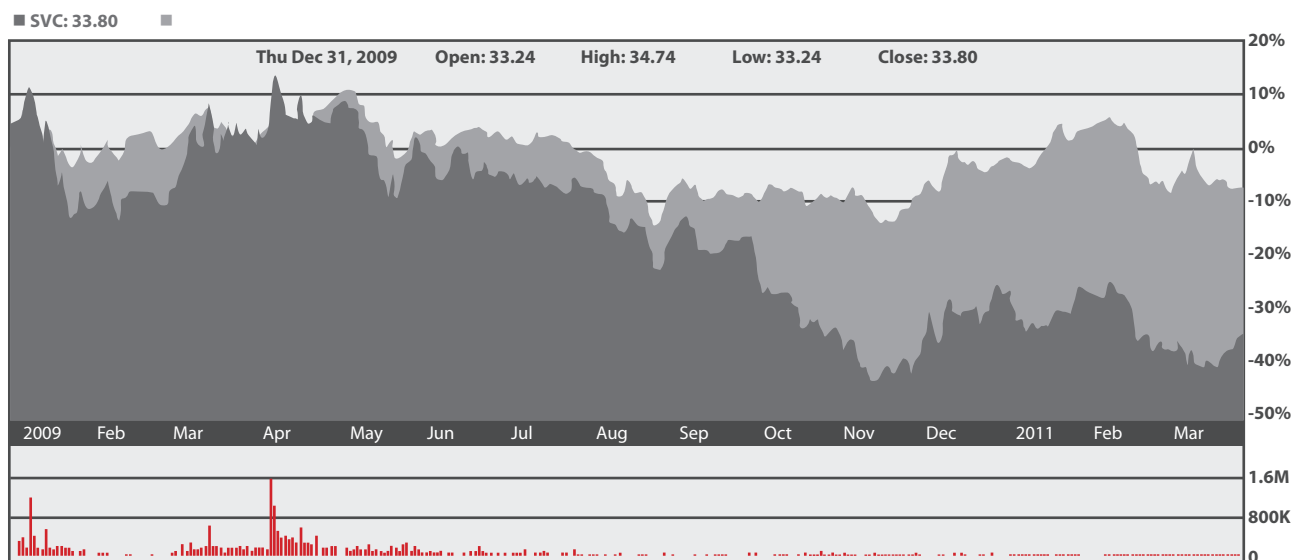
- ▲ Thay đổi cơ chế chính sách như thuế nhập khẩu, chính sách tiền tệ thắt chặt, giá nguyên vật liệu đầu vào, lãi vay tăng cao ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh của SAVICO.
- ▲ Tâm lý nhà đầu tư chuyển hướng đầu tư vào thị trường vàng và ngoại tệ.

▲ Tình hình các nhà sản xuất ô tô trên thế giới và VAMA đồng loạt cắt giảm sản lượng ảnh hưởng trực tiếp tới doanh số bán của SAVICO.

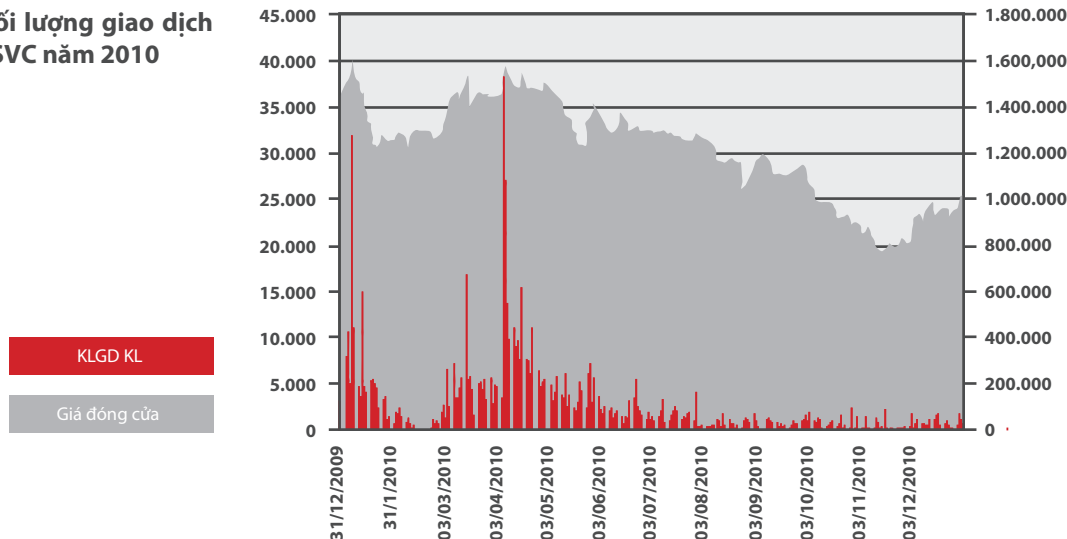
▲ Các dự án Bất động sản của SAVICO đang trong quá trình triển khai, một số dự án không hiệu quả.

SAVICO hướng tới tăng cường các hoạt động quan hệ Cổ đông trong năm 2011, trao đổi với cổ đông lớn về các chính sách phát triển của công ty cởi mở hơn đồng thời quyết tâm cắt giảm các dự án không hiệu quả, đầu tư có trọng điểm giảm các chi phí không cần thiết trong quản lý và kinh doanh.

Diễn biến giá cổ phiếu SVC so với VN-Index năm 2010



Diễn biến giá và khối lượng giao dịch khớp lệnh cổ phiếu SVC năm 2010



Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty

Cơ cấu sở hữu

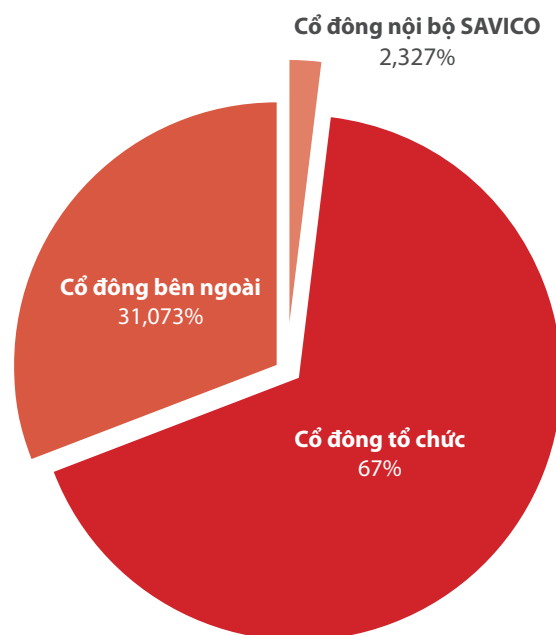
Tính đến thời điểm chốt danh sách Cổ đông ngày 18/03/2011, SAVICO có 1.947 Cổ đông trên tổng số 24.975.507 cổ phiếu lưu hành.

Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng và người có liên quan sở hữu 581.240 cổ phiếu, tương đương 2,327% tổng số cổ phiếu lưu hành.

Cổ đông tổ chức trong và ngoài nước hiện nắm giữ 67%. Một số Cổ đông lớn phải kể đến như Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ 8.830.723 cổ phiếu (chiếm 35,36%); Quỹ tâm nhìn SSI và Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI sở hữu tổng cộng 3.452.220 cổ phiếu (13,82%). SAVICO có 46 Cổ đông nước ngoài sở hữu 2.136.932 cổ phiếu chiếm 8,6% số cổ phiếu lưu hành, trong đó, hai quỹ nước ngoài là VOF Investment Limited và Bridger Horizon VietNam Partners L.P sở hữu 2.001.170 cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục tiêu ổn định giá cổ phiếu SVC, điều tiết giá SVC trên thị trường phản ánh đúng giá trị của SVC và đảm bảo giá trị đầu tư cho Cổ đông và cộng đồng đầu tư, Ban lãnh đạo SAVICO trong năm 2010 đã thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ.



Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2010

	Số lượng
Dư đầu năm	01
Phát sinh trong kỳ	20.065
Dư cuối năm	20.066

Danh sách 10 Cổ đông lớn của SAVICO

Tên tổ chức/ cá nhân giao dịch	Số đăng ký sở hữu	Địa chỉ	Thời điểm 18/3/2011	Tỷ trọng
Tổng Công ty Bến thành-Trách nhiệm Hữu hạn 1 thành viên	0301151147	27 Nguyễn Trung Trực Q.1 TP.HCM	8.830.723	35,36
Quỹ Tâm nhìn SSI	126/TB-UBCK	Tầng 5, 1C Ngõ Quyền, Hà Nội	2.215.500	8,87
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	19/UBCK-GP	Số 1C Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.236.720	4,95
VOF INVESTMENT LIMITED	C00126	P.O Box 2208, Road Town, Tortola, B.V.I	1.001.170	4,01
BRIDGER HORIZON VIET-NAM PARTNERS,L.P.	CS2829	Walkers Spv Ltd., Walker house, PO box 908 gt, Geogle Town, Grand Cayman, Cayman Island	1.000.000	4,00
Công ty TNHH ĐẦU TƯ Kinh Đô	0301442121	141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	712.346	2,85
Hoàng Minh Sơn	024204854	382/75 đường Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh	671.670	2,69
Nguyễn Trung Kiên	023751603	353/17 Nguyễn Trãi,P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, TP. HCM	629.360	2,52
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Long Quân	0309137377	08 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	622.590	2,49
Nguyễn Ngọc Đào	023720869	70 Bis Trần Đình Xu, Q.1, Tp.HCM	330.500	1,32
Tổng cộng			17.250.579	69,07



Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty



Công tác quan hệ Cổ đông

Công tác quan hệ Nhà đầu tư (IR) luôn được SAVICO xem là nhiệm vụ quan trọng trong việc xây chiến lược hoạt động và phát triển lâu dài, giúp tăng cường niềm tin của Nhà đầu tư, khách hàng, Cổ đông đối với Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện đúng các yêu cầu công bố thông tin của Công ty đại chúng theo qui định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, thông tin về tình hình hoạt động của Công ty luôn được cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là website của Công ty.

Trong năm 2010, nhằm kết nối và đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, Cổ đông và cộng đồng đầu tư. Công ty đã thành lập Ban Quan hệ cổ đông hoạt động chuyên trách nhằm mục tiêu tối ưu các thông tin của Công ty được chuyển tải tới cổ đông, nhà đầu tư. Bên cạnh đó Công ty cũng mong muốn tiếp thu những ý kiến đóng góp của cổ đông, các Nhà đầu tư. Qua đó Công ty có thêm nhiều cơ hội được chia sẻ với cổ đông, Nhà đầu tư về kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty



SAVICO và công tác phát triển thương hiệu

Để thể hiện vị thế và tiềm năng của một Thương hiệu Mạnh trên thị trường đồng thời là một trong 500 đơn vị được đứng trong bảng xếp hạng của Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; Bên cạnh việc cải tiến, nâng cao hiệu quả kinh doanh gắn kết với Văn hóa doanh nghiệp thông qua khảo sát đo lường độ mạnh Văn hóa SAVICO, tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn tính chủ động sáng tạo, tính chuyên nghiệp cao trong phong cách làm việc, phục vụ của đội ngũ CBNV nhằm thực hiện ngày càng tốt hơn sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Công ty với sự cam kết chuyển tải giá trị niềm tin đến Khách hàng, đối tác, Cổ đông; Thực hiện thiết kế đồng nhất hệ thống nhận diện thương hiệu (các bảng hiệu, cờ hiệu tại các đơn vị trong hệ thống); Triển khai kế hoạch phát triển kinh doanh Thương mại điện tử bằng việc chuẩn hóa hệ thống Website các đơn vị toàn hệ thống nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ đến các đối tượng khách hàng có nhu cầu mua sắm các sản phẩm xe hơi, gắn máy... sử dụng các dịch vụ bảo hành, bảo trì từ các đơn vị trong hệ thống SAVICO cung ứng

Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty

Một số các danh hiệu và giải thưởng đã đạt được:

- ▲ SAVICO đón nhận Huân Chương Độc Lập hạng 3 của Chủ tịch Nước và Cờ thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND TP HCM trao tặng.
- ▲ SAVICO đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2010 Top 100 (4 năm liên tiếp từ năm 2007 -2010) Và Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn, đơn vị thành viên trong hệ thống SAVICO đạt giải Sao Vàng Đất Việt 2010 do Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức.
- ▲ Giải thưởng "Thương hiệu Chứng khoán Uy tín" (từ 2007-2010) do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam phối hợp Ủy ban Chứng khoán nhà nước bình chọn.
- ▲ Giải Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009, 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán kết hợp với Báo Đầu tư tổ chức.
- ▲ SAVICO được công nhận vào Bảng đánh giá xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (năm 2008 -2010) và Top 500 Doanh nghiệp có mức tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam – FAST500 năm 2010.
- ▲ Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn và Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng được công nhận vào Bảng đánh giá xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2010.
- ▲ Giải Trusted Brand (Thương hiệu uy tín) do Mạng Doanh nghiệp Việt Nam bình chọn -Vietnam Enterprise (từ năm 2006-2010).
- ▲ Giải thưởng Việt Nam Top Trade Services (Thương mại dịch vụ hàng đầu Việt Nam) do Bộ Công Thương bình chọn 5 năm liên tiếp (2007-2010).
- ▲ Giải Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 5 năm liên tiếp (2007-2010) do Thời báo Kinh tế VN tổ chức.

Và nhiều danh hiệu, giải thưởng uy tín có giá trị khác.



SAVICO hướng đến cộng đồng

Ngoài nhiệm vụ tập trung cho hoạt động kinh doanh; SAVICO còn hướng về các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng như thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình chính sách, trao tặng học bổng cho sinh viên học giỏi có hoàn cảnh khó khăn qua chương trình học bổng " SAVICO chấp cánh ước mơ "; Đóng góp quỹ Xóa đói giảm nghèo, ủng hộ Quỹ vì trẻ thơ bất hạnh, Quỹ Bảo trợ Bệnh nhân nghèo để thực hiện chương trình mổ mắt đem lại ánh sáng cho người mù, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt tại các tỉnh miền Trung, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương v.v.. từ năm 2005 -2010 toàn hệ thống SAVICO đã đóng góp trên 7 tỷ đồng ...Đặc biệt qua sự kiện thiên tai, động đất, sóng thần lớn nhất lịch sử Nhật Bản; SAVICO và các đơn vị thành viên trong hệ thống đã chia buồn và hỗ trợ cho các tập đoàn, đối tác SAVICO như : Toyota, Sumitomo, Suzuki, Honda, Yamaha vào ngày 16/03/2011 vừa qua...



Báo cáo tài chính năm 2010







Thông tin Công ty (Báo cáo tài chính riêng)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội Đồng Quản Trị	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
	Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Võ Hiến	Thành viên
	Ông Tế Trí Dũng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Hoàng Thị Thảo	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ban Tổng Giám Đốc	Ông Lê Điện	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm Soát	Ông Lê Xuân Đức	Trưởng Ban
	Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Trụ sở đăng ký	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Báo cáo kiểm toán viên độc lập (Báo cáo tài chính riêng)

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 18 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

KPMG Limited

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-236



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011



Bảng cân đối kế toán riêng

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		245.185.119.780	198.127.030.774
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	13.741.019.930	44.870.931.665
Đầu tư ngắn hạn	120	4	36.127.095.400	35.631.232.088
Đầu tư ngắn hạn	121		49.090.316.928	52.920.232.088
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.906.965.760	107.316.124.748
Phải thu thương mại	131	5	19.002.865.773	12.315.909.336
Trả trước cho người bán	132	6	145.796.801.016	50.858.139.326
Các khoản phải thu khác	135	7	22.107.298.971	53.035.117.618
Dự phòng phải thu khó đòi	139	8	-	(8.893.041.532)
Hàng tồn kho	140	9	5.060.331.163	7.762.208.117
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.349.707.527	2.546.534.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		138.532.726	276.030.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		308.071.359	982.404.156
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		59.524.442	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.843.579.000	1.288.100.000
Tài sản dài hạn	200		1.273.422.566.530	1.195.720.783.652
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	5.906.653.139
Các khoản phải thu khác	218		4.345.621.247	5.906.653.139
Tài sản cố định	220		394.325.714.869	325.493.635.341
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.029.379.210	4.602.055.814
Nguyên giá	222		10.660.793.925	10.319.663.198
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.631.414.715)	(5.717.607.384)
Tài sản cố định vô hình	221	11	45.534.272.700	45.739.710.372
Nguyên giá	222		47.084.099.490	46.648.229.490
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.549.826.790)	(908.519.118)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	344.762.062.959	275.151.869.155
Bất động sản đầu tư	240	13	96.391.944.455	97.802.040.681
Nguyên giá	241		115.808.292.204	113.259.450.328
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.416.347.749)	(15.457.409.647)
Đầu tư dài hạn	250	14	763.364.701.768	754.986.602.823
Đầu tư vào công ty con	251		125.236.222.000	106.960.467.883
Đầu tư vào công ty liên kết	252		223.800.194.279	220.860.194.279
Đầu tư dài hạn khác	258		459.159.303.316	517.266.465.887
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(44.831.017.827)	(90.100.525.226)

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn khác	260		14.994.584.191	11.531.851.668
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.885.383.091	120.913.381
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	11.771.701.100	10.902.658.287
Tài sản dài hạn khác	268		1.337.500.000	508.280.000
TỔNG TÀI SẢN	270		1.518.607.686.310	1.393.847.814.426
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		872.956.127.008	754.177.126.878
Nợ ngắn hạn	310		389.968.441.209	161.118.584.506
Vay ngắn hạn	311	16	245.801.391.579	72.483.112.000
Phải trả thương mại	312		2.351.587.714	2.594.170.421
Người mua trả tiền trước	313		637.254.784	711.306.821
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	10.635.913.181	9.718.321.664
Phải trả người lao động	315		29.494.880.550	31.307.460.190
Chi phí phải trả	316	18	10.329.524.697	5.232.545.239
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	86.082.769.159	39.071.668.171
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	4.635.119.545	-
Vay và nợ dài hạn	330		482.987.685.799	593.058.542.372
Nợ dài hạn khác	333	21	110.688.392.021	138.244.946.276
Vay dài hạn	334	22	217.741.830.000	297.008.010.954
Doanh thu chưa thực hiện	336	23	154.557.463.778	157.805.585.142
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		645.651.559.302	639.670.687.548
Vốn chủ sở hữu	410		645.651.559.302	634.801.842.318
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	24	(690.474.358)	(16.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		14.731.614.307	14.731.614.307
Quỹ dự phòng tài chính	418		5.218.459.791	5.218.459.791
Lợi nhuận chưa phân phối	420		59.371.371.259	47.831.195.917
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		-	4.868.845.230
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	4.868.845.230
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.518.607.686.310	1.393.847.814.426

Người lập:


Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
Tổng doanh thu	01	25	190.697.616.483	157.752.251.591
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(74.584.806)	(126.983.050)
Doanh thu thuần	10	25	190.623.031.677	157.625.268.541
Giá vốn hàng bán	11	26	(134.686.834.325)	(81.997.193.465)
Lợi nhuận gộp	20		55.936.197.352	75.628.075.076
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	63.526.069.234	34.947.191.343
Chi phí tài chính	22	28	(37.844.849.727)	(36.053.660.901)
Chi phí bán hàng	24		(2.653.250.279)	(1.914.316.281)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(26.824.926.163)	(36.966.014.638)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.139.240.417	35.641.274.599
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	29	8.622.797.715	3.413.331.469
Chi phí khác	32		(847.489.865)	(957.496.474)
Lợi nhuận trước thuế	50		59.914.548.267	38.097.109.594
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(5.358.816.548)	(9.515.792.465)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	869.042.813	(2.021.867.197)
Lợi nhuận thuần	60		55.424.774.532	26.559.449.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.218	1.266

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	14.731.614.307	5.218.459.791	52.204.769.222	5.584.990.650	458.681.787.693
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	26.559.449.932	-	26.559.449.932
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	(1.787.118.490)	1.787.118.490	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(28.609.769.200)	-	(28.609.769.200)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(536.135.547)	-	(536.135.547)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.503.263.910)	(2.503.263.910)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	14.731.614.307	5.218.459.791	47.831.195.917	4.868.845.230	639.670.687.548
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(690.458.358)	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	55.424.774.532	-	55.424.774.532
Phân loại lại vào nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	(4.868.845.230)	(4.868.845.230)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.604.490.192)	-	(5.604.490.192)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	-	(37.483.325.500)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(796.783.498)	-	(796.783.498)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	-	645.651.559.302

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		59.914.548.267	38.097.109.594
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.514.053.105	4.826.326.585
Các khoản dự phòng	03		(39.695.285.871)	(21.071.364.309)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản	05		(3.032.215.099)	1.450.977.100
Xóa sổ tài sản cố định	05		-	135.321.454
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(23.848.916.913)	(24.807.945.480)
Lỗ từ hoạt động đầu tư khác	05		22.592.172.160	23.376.846.420
Chi phí lãi vay	06		43.338.721.673	31.893.430.766
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64.783.077.322	53.900.702.130
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(82.397.540.142)	(14.058.592.973)
Biến động hàng tồn kho	10		2.701.876.954	(4.139.990.250)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		20.767.704.217	32.973.692.772
			(5.855.118.351)	68.675.811.679
Tiền lãi vay đã trả	13		(40.193.822.842)	(35.347.939.142)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.237.419.136)	(7.416.679.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.634.999.375)	(3.039.399.457)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(50.211.123.002)	22.871.793.905
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(74.859.256.008)	(33.036.931.880)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.797.040.000	545.454.540
Biến động tài sản dài hạn khác			(1.032.657.818)	1.333.914.756
Tiền thu thuần từ kinh doanh chứng khoán			90.611.108.000	5.478.152.130
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(81.223.561.846)	(105.011.621.614)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		25.852.442.672	18.178.090.042
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(36.854.885.000)	(112.512.942.026)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	177,435,666,580
(Mua lại)/phát hành cổ phiếu quỹ	32		(690,458,358)	8,642,952,000
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	33		337,245,527,299	82,800,857,370
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(343,193,428,674)	(128,788,919,528)
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33		100,000,000,000	-
Tiền trả cổ tức	36		(37,425,544,000)	(16,655,539,000)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		55,936,096,267	123,435,017,422
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(55,371,336,577)	112,738,629,585
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		44,870,931,665	11,077,062,364
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	13,741,019,930	44,870,931,665

Người lập:

Người duyệt:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011



Thông tin Công ty (Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng quản trị	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
	Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Võ Hiến	Thành viên
	Ông Tế Trí Dũng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Hoàng Thị Thảo	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Lê Điền	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Lê Xuân Đức	Trưởng Ban
	Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
	Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Trụ sở đăng ký	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Báo cáo của kiểm toán viên độc lập (Báo cáo tài chính hợp nhất)

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-236



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011



Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		842.423.184.682	521.121.849.396
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	106.497.794.903	161.869.131.480
Đầu tư ngắn hạn	120	5	36.129.147.943	35.633.284.631
Đầu tư ngắn hạn	121		49.092.369.471	52.922.284.631
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		379.880.146.892	211.516.014.380
Phải thu thương mại	131		139.074.302.004	75.924.078.311
Trả trước cho người bán	132	6	217.116.916.044	91.349.631.557
Các khoản phải thu khác	138		25.180.835.030	45.284.562.103
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(1.491.906.186)	(1.042.257.591)
Hàng tồn kho	140	8	275.187.718.365	94.686.470.498
Hàng tồn kho	141		280.012.761.428	99.346.719.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.825.043.063)	(4.660.249.164)
Tài sản ngắn hạn khác	150		44.728.376.579	17.416.948.407
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.374.397.828	5.741.079.982
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.882.758.189	4.693.133.139
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		59.971.924	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		14.411.248.638	6.982.735.286
Tài sản dài hạn	200		1.514.908.308.812	1.271.229.163.268
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	5.906.653.139
Tài sản cố định	220		645.846.282.524	405.096.824.068
Tài sản cố định hữu hình	221	9	128.930.789.242	39.564.151.684
Nguyên giá	222		158.682.468.657	62.599.137.759
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.751.679.415)	(23.034.986.075)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	6.891.006.551	2.663.406.747
Nguyên giá	225		8.099.678.641	2.663.406.747
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.208.672.090)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	48.143.363.719	48.163.896.768
Nguyên giá	228		52.842.326.840	51.815.314.940
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.698.963.121)	(3.651.418.172)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	461.881.123.012	314.705.368.869
Bất động sản đầu tư	240	13	96.391.944.455	97.802.040.681
Nguyên giá	241		115.808.292.204	113.259.450.328
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.416.347.749)	(15.457.409.647)
Đầu tư dài hạn	250	14	687.287.495.371	698.266.809.107
Đầu tư vào công ty liên kết	252		245.139.975.519	237.921.906.002
Đầu tư dài hạn khác	258		466.032.998.908	523.140.161.479
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(23.885.479.056)	(62.795.258.374)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn khác	260		81.036.965.215	64.156.836.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	35.562.523.169	26.946.046.843
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31	12.223.926.796	11.283.541.959
Ký quỹ dài hạn	268		33.250.515.250	25.927.247.471
TỔNG TÀI SẢN	270		2.357.331.493.494	1.792.351.012.664
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.477.197.357.737	972.229.675.204
Nợ ngắn hạn	310		884.881.654.531	343.029.586.391
Vay ngắn hạn	311	16	473.247.112.341	134.764.632.245
Phải trả thương mại	312		114.418.935.802	24.797.707.780
Người mua trả tiền trước	313		111.393.088.034	35.641.166.672
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	21.967.183.272	30.333.507.769
Phải trả người lao động	315		43.204.415.801	41.092.582.637
Chi phí phải trả	316	18	21.624.749.389	11.857.632.695
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		92.172.575.618	64.542.356.593
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	6.853.594.274	-
Vay và nợ dài hạn	330		592.315.703.206	629.200.088.813
Nợ dài hạn khác	333	20	125.519.831.624	139.653.361.951
Vay và nợ dài hạn	334	21	354.845.761.678	379.936.670.733
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.257.175.844	2.432.086.665
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	109.692.934.060	107.177.969.464
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		732.725.216.830	713.819.499.018
Vốn chủ sở hữu	410		732.725.216.830	705.475.235.184
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	413	23	(690.474.358)	(16.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.093.483.305	2.590.491.459
Quỹ đầu tư và phát triển	417		19.159.016.653	18.409.006.477
Quỹ dự phòng tài chính	418		9.067.519.041	8.193.091.918
Lợi nhuận chưa phân phối	419		133.075.083.886	109.262.073.027
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		-	8.344.263.834
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	8.344.263.834
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	147.408.918.927	106.301.838.442
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.357.331.493.494	1.792.351.012.664

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Báo Cáo Thường Niên 2010



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	25	4.188.214.039.064	3.093.441.601.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		(14.664.942.778)	(14.412.563.909)
Doanh thu thuần	10	25	4.173.549.096.286	3.079.029.037.103
Giá vốn hàng bán	11	26	(3.906.776.474.941)	(2.822.262.975.732)
Lợi nhuận gộp	20		266.772.621.345	256.766.061.371
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	58.878.449.709	27.798.512.404
Chi phí tài chính	22	28	(59.282.011.340)	(25.936.699.342)
Chi phí bán hàng	24		(100.125.954.398)	(72.186.837.003)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(90.779.612.815)	(78.616.179.737)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.463.492.501	107.824.857.693
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết		14	8.699.578.380	14.190.492.809
Kết quả các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	29	26.235.529.594	15.006.832.758
Chi phí khác	32	30	(2.665.995.490)	(11.372.621.708)
Lợi nhuận trước thuế	50		107.732.604.985	125.649.561.552
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	(20.020.353.135)	(23.840.083.598)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	940.384.837	(1.935.296.935)
Lợi nhuận thuần			88.652.636.687	99.874.181.019
Lợi nhuận thuần			88.652.636.687	99.874.181.019
Phân bổ cho:				
Các cổ đông thiểu số	61	24	16.923.063.523	27.988.729.031
Các cổ đông của Công ty	62		71.729.573.164	71.885.451.988
Lợi nhuận thuần	60		88.652.636.687	99.874.181.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.871	3.425

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	7.390.376.821	486.602.595.830
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	71.885.451.988	-	71.885.451.988
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.411.458.593)	-	-	-	-	(1.411.458.593)
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn vào công ty liên kết	-	-	-	3.351.604.414	-	-	-	-	3.351.604.414
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	2.215.537.190	1.591.083.937	(3.806.621.127)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.495.295.467)	4.495.295.467	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(28.609.769.200)	-	(28.609.769.200)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(536.135.547)	-	(536.135.547)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(3.541.408.454)	(3.541.408.454)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	8.344.263.834	713.819.499.018



Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000) (690.458.358)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	8.344.263.834	713.819.499.018
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	71.729.573.164	-	71.729.573.164
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	761.112.955	-	-	-	-	761.112.955
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại vào nợ ngắn hạn	-	-	-	1.741.878.891	-	-	-	-	1.741.878.891
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(8.344.263.834)	(8.344.263.834)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	894.000.671	874.427.123	(1.768.427.794)	-	-
Cổ tức (thuyết minh số 33)	-	-	-	-	-	-	(6.705.908.489)	-	(6.705.908.489)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	-	(37.483.325.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(143.990.495)	-	(831.975.841)	-	(831.975.841)
Các khoản giảm trừ khác	-	-	-	-	-	-	(1.126.924.681)	-	(1.126.924.681)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	-	732.725.216.830

Người lập:

Người duyệt:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		107.732.604.985	125.649.561.552
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		18.682.998.508	9.365.982.781
Các khoản dự phòng	03		(42.601.022.864)	(43.853.346.424)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản			(3.428.295.074)	7.763.036.121
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán			22.592.172.160	26.653.476.621
Xóa sổ tài sản cố định	05		45.835.000	328.402.038
Chi phí lãi vay	06		65.548.226.608	33.031.246.098
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức			(15.476.132.477)	(17.146.814.273)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(8.699.578.380)	(14.190.492.809)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		144.396.808.466	127.601.051.705
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(191.513.481.921)	(76.567.070.494)
Biến động hàng tồn kho	10		(180.686.134.198)	(23.833.619.353)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		187.683.638.380	108.610.360.710
Biến động chi phí trả trước	12		(8.616.476.326)	(7.328.248.416)
			(48.735.645.599)	128.482.474.152
Tiền lãi vay đã trả	13		(62.277.557.193)	(36.125.781.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(31.262.208.999)	(13.206.386.195)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.196.578.049)	(4.929.429.589)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(150.471.989.840)	74.220.876.701
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(250.964.741.104)	(105.581.494.870)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.909.494.545	3.948.954.697
Tiền thu từ kinh doanh chứng khoán			90.611.108.000	5.478.152.130
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(54.047.807.729)	(97.815.737.166)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.476.132.477	17.146.814.273
Tiền chi mua tài sản dài hạn khác			(5.762.235.887)	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(199.778.049.698)	(176.823.310.936)



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	177.435.666.580
(Mua lại)/phát hành cổ phiếu quỹ	32		(690.458.358)	8.642.952.000
Tiền thu từ các khoản vay	33		1.823.336.852.905	775.914.334.080
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.613.860.469.645)	(730.396.077.988)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			30.733.500.000	5.845.950.000
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33		100.000.000.000	-
Tiền chi trả cho nợ thuê tài chính	35		(1.521.084.113)	-
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(37.425.544.000)	(16.655.539.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con			(5.694.093.828)	(5.446.221.852)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		294.878.702.961	215.341.063.820
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(55.371.336.577)	112.738.629.585
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		161.869.131.480	49.130.501.895
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	106.497.794.903	161.869.131.480

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ	2010 VNĐ	2009 VNĐ
----------------------------------	-------------	-------------

Giá trị tài sản cố định mua bởi Tập đoàn bằng thuê tài chính	5.436.271.894	2.663.406.747
--	---------------	---------------

Người lập:

Người duyệt:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi.
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng, tài chính, ngân hàng và bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 1.055 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 838 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) **Cơ sở hợp nhất** (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con và công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại, nếu không trọng yếu, được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao. Khấu hao các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 4 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(I) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao. Khấu hao của các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 36 năm.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(r) Doanh thu (tiếp theo)

(iv) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(v) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	4.029.880.897.364	2.969.203.787.953	191.377.580.109	127.304.310.603	19.868.646.902	24.509.943.760	4.241.127.124.375	3.121.018.042.316
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(3.999.930.772.004)	(2.904.425.904.000)	(152.037.968.831)	(89.509.699.282)	(4.995.312.659)	(5.067.088.532)	(4.156.964.053.494)	(2.999.002.691.814)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	29.950.125.360	64.777.883.953	39.339.611.278	37.794.611.321	14.873.334.243	19.442.855.228	84.163.070.881	122.015.350.502
Doanh thu không phân bổ							26.235.529.594	15.006.832.758
Chi phí không phân bổ							(2.665.995.490)	(11.372.621.708)
							107.732.604.985	125.649.561.552
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	653.300.224.217	399.157.077.095	140.769.885.726	73.369.186.230	36.129.147.943	37.312.044.112	830.199.257.886	509.838.307.437
Tài sản dài hạn	309.930.102.821	406.301.583.172	995.835.730.957	619.639.805.908	209.142.475.034	244.711.779.800	1.514.908.308.812	1.270.653.168.880
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	12.223.926.796	11.283.541.959
	963.230.327.038	805.458.660.267	1.136.605.616.683	693.008.992.138	245.271.622.977	282.023.823.912	2.357.331.493.494	1.791.775.018.276
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	452.433.002.274	258.969.874.570	270.527.624.222	81.845.009.085	161.921.028.035	12.872.937.200	884.881.654.531	353.687.820.855
Nợ dài hạn	87.677.004.658	206.034.310.020	504.638.698.548	360.230.932.613	-	52.276.611.716	592.315.703.206	618.541.854.349
	540.110.006.932	465.004.184.590	775.166.322.770	442.075.941.698	161.921.028.035	65.149.548.916	1.477.197.357.737	972.229.675.204
Khấu hao và phân bổ	14.724.060.406	5.049.199.489	3.958.938.102	4.139.694.808	-	177.088.484	18.682.998.508	9.365.982.781
Các khoản dự phòng	(634.534.926)	(40.258.676.259)	-	(2.442.681.389)	43.235.557.790	-	42.601.022.864	(43.853.346.424)
Mua tài sản cố định	220.504.534.269	79.933.137.250	-	32.976.606.036	35.896.478.729	-	256.401.012.998	112.909.743.286

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền đang chuyển	84.431.349	-
Tiền mặt	5.141.765.517	3.222.446.566
Tiền gửi ngân hàng	76.435.606.257	91.146.684.914
Các khoản tương đương tiền	24.835.991.780	67.500.000.000
	<u>106.497.794.903</u>	<u>161.869.131.480</u>

5. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Cổ phiếu niêm yết	20.886.466.928	24.716.382.088
• Cổ phiếu OTC	28.205.902.543	28.205.902.543
	<u>49.092.369.471</u>	<u>52.922.284.631</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
	<u>36.129.147.943</u>	<u>35.633.284.631</u>

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu năm	17.289.000.000	24.100.465.852
Hoàn nhập	(4.435.778.472)	(6.811.465.852)
Số dư cuối năm	<u>12.963.221.528</u>	<u>17.289.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các khoản đầu tư ngắn hạn với nguyên giá 13.294 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 7.800 triệu VNĐ) được thế chấp ở ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 153.532 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 48.030 triệu VNĐ).



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.042.257.591	1.169.274.361
Tăng dự phòng trong năm	449.648.595	126.883.638
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(253.900.408)
Số dư cuối năm	1.491.906.186	1.042.257.591

8. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	7.494.652.908	1.920.476.190
Vật tư và phụ tùng thay thế	4.251.254.476	4.229.837.343
Sản phẩm dở dang	1.211.899.666	-
Hàng hóa	266.350.163.336	93.196.406.129
Hàng gửi đi bán	704.791.042	-
	280.012.761.428	99.346.719.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.825.043.063)	(4.660.249.164)
	275.187.718.365	94.686.470.498

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu năm	4.660.249.164	4.154.364.429
Tăng dự phòng trong năm	184.886.331	632.051.833
Sử dụng dự phòng trong năm	(20.092.432)	(126.167.098)
Số dư cuối năm	4.825.043.063	4.660.249.164

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 23.530 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 6.440 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	37.196.740.463	10.050.997.521	4.551.900.448	10.425.898.897	373.600.430	62.599.137.759
Tăng trong năm	40.445.015.095	8.398.304.525	3.257.899.622	5.877.648.099	3.442.384.665	61.421.252.006
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	34.956.728.979	857.210.500	-	-	977.682.399	36.791.621.878
Thanh lý	-	(473.524.940)	(319.731.942)	(1.336.286.104)	-	(2.129.542.986)
Phân loại lại	(329.040.909)	83.152.858	245.888.051	-	-	-
Số dư cuối năm	112.269.443.628	18.916.140.464	7.735.956.179	14.967.260.892	4.793.667.494	158.682.468.657
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.651.624.412	5.150.103.621	2.530.371.058	3.329.286.554	373.600.430	23.034.986.075
Khấu hao trong năm	3.451.874.652	1.968.442.553	832.355.369	1.715.673.217	161.715.965	8.130.061.756
Thanh lý	-	(434.451.601)	(297.583.272)	(681.333.543)	-	(1.413.368.416)
Phân loại lại	(26.169.447)	(60.076.831)	86.246.278	-	-	-
Số dư cuối năm	15.077.329.617	6.624.017.742	3.151.389.433	4.363.626.228	535.316.395	29.751.679.415
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	25.545.116.051	4.900.893.900	2.021.529.390	7.096.612.343	-	39.564.151.684
Số dư cuối năm	97.192.114.011	12.292.122.722	4.584.566.746	10.603.634.664	4.258.351.099	128.930.789.242

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 5.859 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 14.398 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 8.030 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.287 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Thiết bị văn phòng VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.663.406.747
Tăng trong năm	5.436.271.894
Số dư cuối năm	8.099.678.641
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	1.208.672.090
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.663.406.747
Số dư cuối năm	6.891.006.551

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.486.639.190	694.621.450	51.815.314.940
Tăng trong năm	-	-	622.146.600	622.146.600
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	435.870.000	435.870.000
Thanh lý	-	-	(31.004.700)	(31.004.700)
Số dư cuối năm	14.634.054.300	36.486.639.190	1.721.633.350	52.842.326.840
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
Khấu hao trong năm	-	876.700.512	201.849.137	1.078.549.649
Thanh lý	-	-	(31.004.700)	(31.004.700)
Số dư cuối năm	-	4.315.660.492	383.302.629	4.698.963.121
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	33.047.679.210	482.163.258	48.163.896.768
Số dư cuối năm	14.634.054.300	32.170.978.698	1.338.330.721	48.143.363.719

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 45.098 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 45.739 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	314.705.368.869	267.433.722.200
Tăng trong năm	188.921.342.498	56.292.835.400
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.548.841.876)	(5.882.599.276)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.791.621.878)	(1.542.311.188)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(435.870.000)	(818.300.400)
Chuyển sang đầu tư dài hạn	(1.158.394.700)	-
Xóa sổ	(45.835.000)	(82.492.660)
Thanh lý	(765.024.901)	(695.485.207)
Số dư cuối năm	461.881.123.012	314.705.368.869

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 417.734 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 161.013 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
Tăng trong năm	31.896.275.364	-	31.896.275.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.548.841.876	2.548.841.876
Chuyển từ trả trước cho người bán	-	651.913.765	651.913.765
Thanh lý	(31.896.275.364)	(651.913.765)	(32.548.189.129)
Số dư cuối năm	57.306.554.900	58.501.737.304	115.808.292.204
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	15.457.409.647	15.457.409.647
Khấu hao trong năm	-	3.958.938.102	3.958.938.102
Số dư cuối năm	-	19.416.347.749	19.416.347.749
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư cuối năm	57.306.554.900	39.085.389.555	96.391.944.455

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 4.893 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 78.115 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 83.487 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	245.139.975.519	237.921.906.002
Đầu tư dài hạn khác	466.032.998.908	523.140.161.479
	711.172.974.427	761.062.067.481
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(23.885.479.056)	(62.795.258.374)
	687.287.495.371	698.266.809.107

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	237.921.906.002	223.894.353.641
Đầu tư mới	2.940.000.000	-
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	8.699.578.380	14.190.492.809
Cổ tức từ công ty liên kết	(4.611.727.358)	(3.638.887.232)
Giảm quỹ khen thưởng và phúc lợi và các quỹ khác	(1.391.158.846)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.741.878.891	3.351.604.414
Loại bỏ lỗ chưa thực hiện	257.821.844	124.342.320
Khác	(418.323.394)	-
	245.139.975.519	237.921.906.002

Trong đầu tư dài hạn khác có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 223.798.610.590 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 294.721.932.590 VNĐ) giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 20.571 triệu VNĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 138.724 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: lần lượt là 13.713 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	62.795.258.374	100.596.074.417
Hoàn nhập	(38.909.779.318)	(37.800.816.043)
Số dư cuối năm	23.885.479.056	62.795.258.374

Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý một công ty con – Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Bán Lẻ Tự Động SAVICO (SAVICO – R) vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận một khoản lỗ thuần là 61.988.951 VNĐ của công ty con từ tháng 1 năm 2010 đến ngày thanh lý. Không có khoản lỗ nào phát sinh thêm từ việc thanh lý này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008	37,5%	1.213.115.573	1.293.252.613
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành – SAVICO (SYM)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	2.074.885.332	1.851.170.058
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007	40,27%	5.832.530.022	5.668.065.506
Công ty Taxi Comfort Delgro SAVICO	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	27.010.164.401	23.708.149.910
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn	Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.407.232.099	1.831.887.896
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	45.756.025.752	41.673.458.611
Công ty TNHH SAVICO -Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	158.711.092.883	161.895.921.408
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và bỏ thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	3.134.929.457	-
				<u>245.139.975.519</u>	<u>237.921.906.002</u>



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí trước hoạt động	9.411.395.359	4.199.160.437
Chi phí đất trả trước	17.132.704.879	16.125.432.980
Công cụ và dụng cụ	3.596.832.023	5.824.655.699
Chi phí khác	5.421.590.908	746.797.727
	<u>35.562.523.169</u>	<u>26.946.046.843</u>

16. Vay ngắn hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay bằng VNĐ	362.614.848.741	97.538.862.045
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21)	110.632.263.600	37.225.770.200
	<u>473.247.112.341</u>	<u>134.764.632.245</u>

Trong vay ngắn hạn có 30.356 triệu VNĐ vay không đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 39.540 triệu VNĐ) và 332.258 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 57.999 triệu VNĐ) đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 104.296 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 75.586 triệu VNĐ).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 3,6% đến 19% (2009: 3,6% đến 12,75%) một năm.

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	6.159.149.333	3.850.749.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.348.973.624	24.457.520.023
Thuế khác	2.459.060.315	2.025.238.711
	<u>21.967.183.272</u>	<u>30.333.507.769</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	4.348.934.191	1.078.264.776
Chi phí thuê	3.762.749.089	2.662.852.652
Phí kiểm toán	674.750.000	1.045.376.182
Chi phí lương và các chi phí liên quan	3.398.957.612	1.099.162.755
Trích trước cho xây dựng	68.000.000	-
Các chi phí khác	9.371.358.497	5.971.976.330
	<u>21.624.749.389</u>	<u>11.857.632.695</u>

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2010 VNĐ
Phân loại lại từ nguồn kinh phí sự nghiệp	8.344.263.834
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	6.705.908.489
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(8.196.578.049)</u>
Số dư cuối năm	<u>6.853.594.274</u>

20. Nợ dài hạn khác

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ký quỹ dài hạn nhận được	11.882.492.630	10.011.121.947
Phải trả dài hạn khác	<u>113.637.338.994</u>	<u>129.642.240.004</u>
	<u>125.519.831.624</u>	<u>139.653.361.951</u>

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn cho các dự án bất động sản.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay dài hạn bằng VNĐ	359.308.261.313	414.907.864.749
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	-
	459.308.261.313	414.907.864.749
Nợ thuê tài chính (*)	6.169.763.965	2.254.576.184
	465.478.025.278	417.162.440.933
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 16)	(110.632.263.600)	(37.225.770.200)
Hoàn trả sau 12 tháng	354.845.761.678	379.936.670.733

Trong vay dài hạn có 34.435.000.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 49.537.878.075 VNĐ) vay không đảm bảo và 431.043.025.278 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 365.369.986.674 VNĐ) vay có đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 461.061 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 305.623 triệu VNĐ). Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 5,2% đến 20,5% (2009: từ 10,5% đến 14,1%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 179.739 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 15,5%.

Thời hạn thanh toán của các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	108.953.098.000	37.225.770.200
Từ hai đến năm năm	147.284.095.662	282.445.319.255
Trên năm năm	103.071.067.651	95.236.775.294
	359.308.261.313	414.907.864.749

(*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ			31/12/2009 VNĐ		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	2.677.797.134	998.631.534	1.679.165.600	690.581.300	360.004.100	330.577.200
Từ hai đến năm năm	5.782.216.895	1.291.618.530	4.490.598.365	2.595.161.384	671.162.400	1.923.998.984
	8.460.014.028	2.290.250.063	6.169.763.965	3.285.742.684	1.031.166.500	2.254.576.184

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

22. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Doanh thu từ dịch vụ bất động sản đầu tư	96.404.130.454	107.177.969.464
Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	13.288.803.606	-
	<u>109.692.934.060</u>	<u>107.177.969.464</u>

23. Vốn cổ phần

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(1)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.995.572	249.955.714.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	4.634.533	46.345.330.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(20.065)	(690.458.358)	-	-
Cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	-	-	221.060	3.544.730.277
Số dư cuối năm	<u>24.975.507</u>	<u>249.265.255.642</u>	<u>24.995.572</u>	<u>249.955.714.000</u>

Tháng 8 năm 2009, Công ty phát hành lại cổ phiếu quỹ thu về 8.642.952.000 VNĐ, với số tiền vượt trên mệnh giá là 5.098.221.723 VNĐ. Khoản này được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Tháng 10 năm 2009, Công ty đã phát hành 4.634.533 cổ phiếu cho các cổ đông cũ và mới. Khoản thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá là 131.090.336.580 VNĐ được ghi nhận là phần thặng dư vốn cổ phần trong phần vốn chủ sở hữu.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	106.301.838.442	79.466.426.625
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	16.923.063.523	27.988.729.031
Vốn góp trong năm	30.733.500.000	5.845.950.000
Cổ tức	(5.694.093.828)	(5.446.221.852)
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(1.999.419.704)	(851.885.588)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(701.159.774)
Thanh lý SAVICO-R	760.507.027	-
Khác	383.523.467	-
Số dư cuối năm	147.408.918.927	106.301.838.442

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	3.938.934.250.841	2.876.534.520.785
• Dịch vụ	195.316.332.904	140.785.619.923
• Dịch vụ bất động sản đầu tư	53.963.455.319	76.121.460.304
	4.188.214.039.064	3.093.441.601.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	(14.664.942.778)	(14.412.563.909)
Doanh thu thuần	4.173.549.096.286	3.079.029.037.103

26. Giá vốn hàng bán

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Hàng hóa đã bán	3.776.653.093.518	2.703.288.808.377
Dịch vụ cung cấp	93.614.319.788	113.738.507.559
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.958.938.102	3.152.630.863
Giá vốn bất động sản đầu tư	32.528.189.129	1.450.977.100
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.934.404	632.051.833
	3.906.776.474.941	2.822.262.975.732

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	4.199.322.932	2.189.982.234
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	9.705.311.000	10.135.681.200
Thu nhập từ các khoản đầu tư khác	29.859.559.115	-
Cổ tức	11.276.809.545	15.135.860.459
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.386.483.391	318.664.516
Doanh thu tài chính khác	1.450.963.726	18.323.995
	<u>58.878.449.709</u>	<u>27.798.512.404</u>

28. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	65.548.226.608	33.031.246.098
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	32.297.483.160	36.789.157.821
Chi phí kinh doanh chứng khoán	1.669.681.988	484.394.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.258.980.518	244.182.776
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(43.235.557.790)	(44.612.281.895)
Chi phí tài chính khác	743.196.856	-
	<u>59.282.011.340</u>	<u>25.936.699.342</u>

29. Thu nhập khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.909.494.545	3.948.954.697
Thu hoa hồng từ các đơn vị khác	1.344.860.605	276.021.026
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	14.594.877.398	5.898.819.886
Thu nhập khác	5.386.297.046	4.883.037.149
	<u>26.235.529.594</u>	<u>15.006.832.758</u>



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

30. Chi phí khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.481.199.471	10.261.013.718
Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ	45.835.000	382.402.038
Các chi phí khác	1.138.961.019	729.205.952
	<u>2.665.995.490</u>	<u>11.372.621.708</u>

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản dự phòng	-	4.745.384
Doanh thu chưa thực hiện	7.535.296.722	-
Chi phí phải trả	942.670.920	935.254.115
Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận	3.745.959.154	10.343.542.460
	<u>12.223.926.796</u>	<u>11.283.541.959</u>

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	20.032.108.116	22.897.602.866
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(11.754.981)	942.480.732
	<u>20.020.353.135</u>	<u>23.840.083.598</u>
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(8.101.829.354)	(766.557.349)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	6.310.518.697
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	487.773.802	6.734.878.047
Lỗ tính thuế mang sang được sử dụng/(ghi nhận)	6.673.670.715	(10.343.542.460)
	<u>(940.384.837)</u>	<u>1.935.296.935</u>
Chi phí thuế thu nhập	<u>19.079.968.298</u>	<u>25.775.380.533</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	107.732.604.985	125.649.561.552
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	26.933.151.246	31.223.634.646
Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế	2.230.675.839	2.194.173.005
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(7.015.731.747)	(4.290.189.552)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.250.794.434)	(8.403.790.776)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận tại các công ty con	1.416.660.842	2.790.364.084
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	6.310.518.697
Lỗi tính thuế được sử dụng tại các công ty con	(222.238.467)	(128.638.903)
Ảnh hưởng của lỗi chưa thực hiện từ công ty con	-	(4.863.171.440)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	(11.754.981)	942.480.732
Chi phí thuế thu nhập	19.079.968.298	25.775.380.533

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên sổ lỗi tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2011).



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	71.729.573.164	71.885.451.988

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

	2010 Số lượng cổ phiếu	2009 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24.995.572	20.139.979
Ảnh hưởng của cổ phiếu bán ra tháng 8 năm 2009	-	73.687
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2009	-	772.422
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	(7.263)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 7 năm 2010	(882)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	(1.903)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	24.985.524	20.986.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

33. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức là 24.996 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 5 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức) (2009: 16.112 triệu VNĐ hay 8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 20 tháng 5 năm 2009).

Hội đồng quản trị họp ngày 24 tháng 12 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức là 12.487 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 12 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với các công ty con, mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty TNHH Sài Gòn Ô Tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP) Company	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM-DAEWOO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009.	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	63,64%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu Honda và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 4102055390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007.	55%



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo) Xác định các bên liên quan (tiếp theo)

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe chở hàng, thiết bị điện, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, đại lý bảo hiểm.	Giấy phép Đầu tư số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Phương Nam.	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 0309207754 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2009 và được điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 12 tháng 3 năm 2011	55%

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.900.355.000	2.101.842.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	689.063.000	953.000.000
Ban Kiểm soát	122.800.000	92.000.000
	<u>3.712.218.000</u>	<u>3.146.842.000</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	3.428.100.000	1.371.240.000
		Mua hàng của công ty liên kết	-	922.307.388
		Bán hàng cho công ty liên kết	-	132.484.000
		Vay công ty liên kết	20.000.000.000	-
Công ty Taxi Comfort Delgro SAVICO	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	2.438.455.970	2.184.202.774
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bến Thành SAVICO	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	400.565.332	448.000.000
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.330.595.500	1.652.773.650
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	783.062.026	1.819.647.182
Công ty TNHH SAVICO-Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết	1.713.986.163	3.156.603.624
		Tiền thuê tính cho công ty liên kết	1.342.925.760	-
		Trả hộ công ty liên kết	15.023.473.560	-

35. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	20.113.029.195	20.570.129.788
Từ hai đến năm năm	53.838.046.119	36.543.158.353
Trên năm năm	59.235.244.970	67.253.419.236
	<u>133.186.320.284</u>	<u>124.366.707.377</u>



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	3.884.702.101.384	1.697.200.811.330
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	94.666.360.840	79.003.405.186
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.682.998.508	9.365.982.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.991.232.724	89.407.639.642
Chi phí khác	41.703.431.486	20.289.730.576

37. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2009 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2009 (Đã báo cáo trước đây) VNĐ
Phải trả khác	64.542.356.593	75.200.591.057
Doanh thu chưa thực hiện	107.177.969.464	-
Phải trả dài hạn khác	139.653.361.951	236.173.096.951

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

**Hệ thống các
Chi nhánh,
Công ty con,
Liên doanh
Liên kết...**





Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết

CÁC CHI NHÁNH

Chi Nhánh SAVICO Đà Nẵng

Địa chỉ : 66 Võ Văn Tần, Quận
Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT : (84.511) 364 7858
Fax : (84.511) 364 6517

Chi Nhánh SAVICO Cần Thơ

Địa chỉ : 71 Hùng Vương, Quận
Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT : (84.710) 382 7308
Fax : (84.710) 382 0205
Cửa hàng : 1263/6 Khu vực 4,
P. Châu Văn Liêm, Q. Ô
Môn, TP. Cần Thơ

Chi Nhánh SAVICO An Giang

Địa chỉ : 349/30B Trần Hưng Đạo,
TP. Long Xuyên, Tỉnh
An Giang
ĐT : (84.76) 393 5198
Fax : (84.76) 393 5098

CÁC CÔNG TY CON

1	Công ty : Công Ty TNHH Đông Đô Thành Vốn điều lệ : 8.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 55,00% Địa chỉ : 655 Xa Lộ Hà Nội, P. Thảo Điền, Q.2, TP.HCM ĐT : (84.8) 3898 9878 Fax : (84.8) 3898 9876 Website : dongdothanh.savico.com.vn dongdothanh.com Email : sales@dongdothanh.com
2	Công ty : Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford) Vốn điều lệ : 16.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 52,05% Địa chỉ : 61 A Cao Thắng, P.3, Q.3, TP.HCM ĐT : (84.8) 3818 1458 – 3818 1459 Fax : (84.8) 3818 1466 Website : saigonford.savico.com.vn saigonford.com.vn Email : saigonford@saigonford.com.vn Các chi nhánh : • TT kinh doanh xe cũ & xưởng Dịch vụ sửa chữa - đồng sơn : 104 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình • Sài Gòn Automax : 72 Trần Đình Xu, Q.1, TP.HCM • Siêu thị Sài Gòn Auto : 105 Nguyễn Văn Cừ, Q.5, TP.HCM • Chi nhánh tại Cần Thơ : 41 A Đường 3 -2, TP. Cần Thơ
3	Công ty : Công Ty Cổ phần Bến Thành Ô tô (Bến Thành Ford) Vốn điều lệ : 18.900.000.000 đồng Tỷ lệ : 52% Địa chỉ : 831 Trường Chinh, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM ĐT : (84.8) 3815 7979 Fax : (84.8) 3815 8989 Website : benthanhford.SAVICO.com.vn benthanhford.com.vn Email : benthanhford@benthanhford.com.vn



CHEVROLET
ĐÔNG ĐÔ THÀNH



SAIGON FORD



BEN THANH FORD

Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết

4	Công ty : Công Ty Liên Doanh TNHH Toyota Giải Phóng Vốn điều lệ : 18.088.332.675 đồng Tỷ lệ : 51,00% Địa chỉ : 807 Giải Phóng, P. Bát Giáp, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT : (84.4) 3664 0124 Fax : (84.4) 3664 0127 Email : tgp@fpt.vn Chi nhánh : • Toyota Pháp Vân : P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
5	Công ty : Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ) Vốn điều lệ : 5.500.000.000 đồng Tỷ lệ : 63,64% Địa chỉ : 164-166C Đường 3/2 Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ ĐT : (84.710) 378 0164 Fax : (84.710) 378 0166 Website : yamahausaigon.savico.com.vn yamahausaigon.com Các chi nhánh : • Cửa hàng 2S : 164/1B đường Trần Ngọc Quế, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ • Cửa hàng 3S : 45 CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
6	Công ty : Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 55,00% Địa chỉ : 14-16 Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM ĐT : (84.8) 3726 3020 Fax : (84.8) 3838 6146 Website : saigonngoisao.savico.com.vn saigonngoisao.com.vn Showroom : • 11 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1 • 510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức Cửa hàng xe gắn máy : • 14-16 Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1 • 3/9 Kha Vạn Cân, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức • 182 Trần Quốc Thảo, Q.3. • 379 Quang Trung, Q. Gò Vấp
7	Công ty : Công ty CP SAVICO Hà Nội Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 70,00% Địa chỉ : 7 – 9 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q.Long Biên, Hà Nội. ĐT : (84.4) 3736 7636 Fax : (84.4) 3736 7636 Email : info@savicohanoi.com Công ty con : Công ty TNHH Toyota Long Biên: Địa chỉ : 7-9 Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội Điện thoại : (84.4) 6277 7999





Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết

8	Công ty : Công Ty TNHH Toyota Cần Thơ Vốn điều lệ : 49.625.548.000 đồng Tỷ lệ : 51,00% Địa chỉ : Lô 20 KĐT Phú An, Đường Quang Trung, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. ĐT : (84.710) 391 9919 Fax : (84.710) 391 8899 Website : toyotacantho.savico.com.vn toyotacantho.com.vn
9	Công ty : Công ty Cổ Phần Ôtô Thành Phố Vốn điều lệ : 9.450.000.000 đồng Tỷ lệ : 51,00% Địa chỉ : 06 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM ĐT : (84.8) 3915 3247 Fax : (84.8) 3915 3248
10	Công ty : Công Ty Cổ Phần Ôtô Sông Hàn Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 51,00% Địa chỉ : 86 Duy Tân, P. Hoà Thuận Tây, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. ĐT : (84.511) 383 3555 Fax : (84.511) 383 3868

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

1	Công ty : Công ty TNHH ComfortDelgro SAVICO Taxi Vốn điều lệ : 79.315.000.000 đồng Tỷ lệ : 40,00% Địa chỉ : 325 Hồ Văn Huê, P.2, Q.Tân bình, TP.HCM ĐT : (84.8) 3842 4400 Fax : (84.8) 3842 4400 Website : comfortsavico.com.vn comfortsavico@vnn.vn
2	Công ty : Công Ty Cổ Phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) Vốn điều lệ : 58.500.000.000 đồng Tỷ lệ : 35,16% Địa chỉ : 507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM ĐT : (84.8) 3898 9242 Fax : (84.8) 3898 9243 Website : toyotasaigon.com Email : tesc@toyotasaigon.com Chi nhánh : 18 Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp, TP.HCM Trung tâm xe ô tô đã qua sử dụng : 18 Phan Văn Trị, P. 10, Q. Gò Vấp, TP.HCM



Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết

3	Công ty : Công ty TNHH TMDV TH Bến Thành SAVICO Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 37,33% Địa chỉ : 17-19 Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp.HCM ĐT : (84.8) 3914 3826 - 3914 2432 Fax : (84.8) 3914 2899 Cửa hàng xe gắn máy : 01 Nguyễn Trãi, Q. 1, TpHCM 331C Trần Hưng Đạo, Q. 1, TpHCM 598-600 Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q. 3, Tp.HCM 144 Lê Văn Việt, Q. 9, TpHCM 58 - 59 Nguyễn Thị Định, Q. 2, TpHCM
4	Công ty : Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD Vốn điều lệ : 8.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 40,27% Địa chỉ : 56 Điện Biên Phủ, Tp. Đà Nẵng ĐT : (84.511) 364 6555 Fax : (84.511) 364 6746 Website : danaford.savico.com.vn banaford.com.vn Email : danaford@danaford.com.vn Ca chi nhánh : - Chi nhánh công ty CP DANA tại Bình Định : 73 Tây Sơn , Tp. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định - Chi nhánh công ty CP DANA tại Gia Lai : 306 Phạm Văn Đồng , Tp. Pleiku- Tỉnh Gia Lai - Trung tâm Dịch vụ Kinh doanh Ô tô (xe cũ) : 9 Võ Văn Tần, Tp. Đà Nẵng
5	Công ty : Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland Vốn điều lệ : 338.170.918.008 đồng Tỷ lệ : 49,50% Địa chỉ : 115-117 Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM ĐT : (84.8) 3914 6840 Fax : (84.8) 3821 7548
6	Công ty : Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng Tỷ lệ : 49,00% Địa chỉ : 56 Bến Vân Đồn, Q.4, Tp.HCM ĐT : (84.8) 3943 3430 Fax : (84.8) 3943 3429







SAVICO

